



HỘI QUỐC TẾ Y SĨ VIỆT NAM TỰ DO

ASSOCIATION DES MÉDECINS VIETNAMIENS
DU MONDE LIBRE

ASSOCIATION OF VIETNAMESE PHYSICIANS
OF THE FREE WORLD

'6338 Victoria Avenue Suite 6, Montréal, Québec, CANADA H3W-2S5

Thông Báo

Nhằm góp phần phát triển sinh hoạt văn hóa trong Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do đã tổ chức giải Văn Học kỳ III-2008 để vinh danh các tác giả có công trình sáng tác hoặc biên khảo giá trị.

Từ ngày ra thông cáo 15 tháng 4 năm 2007 đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2008, chúng tôi đã nhận được 115 tác phẩm dự tranh, và chuyển tới Hội Đồng Bình Điểm Tuyển Lựa gồm có các quý vị : Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Nhà văn Trương Anh Thụy, Giáo sư Bùi Xuân Quang, Bác sĩ Nguyễn Mạnh Tiến (Giáo sư Nguyễn Quý Bông vì tình trạng sức khỏe đã rút lui vào phút chót).

Dưới đây là các tác phẩm trúng Giải Văn Học kỳ III năm 2008:

Bộ Môn Biên Khảo : ba giải đồng hạng.

- 1-Từ điển nhân danh, địa danh & tác phẩm văn học nghệ thuật Trung quốc, tác giả Hoàng Xuân Chinh (Hoa Kỳ).
- 2-Việt Nam: môi trường và con người, tác giả Thái Công Tụng (Gia Nã Đại).
- 3-Những biến cố mất lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam từ năm 939 đến 2002, tác giả Trịnh Quốc Thiên (Hoa Kỳ).

Bộ môn Sáng Tác : hai giải đồng hạng.

- 1- Nhất Linh cha tôi, tác giả Nguyễn Tường Thiết (Hoa Kỳ).
- 2- Hương chanh, tác giả Võ Thị Diễm Đạm (Na Uy).

Lễ trao tặng giải thưởng sẽ được tổ chức vào ngày 9 tháng 8 năm 2008 tại thành phố San Jose, nhân dịp Đại Hội Y Nha Dược Sĩ Việt Nam Tự Do kỳ thứ VI.

Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do chân thành tri ân Hội Đồng Bình Điểm Tuyển Lựa đã dày công phân tích và lượng định giá trị một số lượng đông đảo các tác phẩm dự tranh.

Qua ba lần tranh giải 2002, 2004 và 2008, chúng tôi trân trọng cảm ơn tất cả các tác giả đã đáp lời mời gửi tác phẩm đến dự tranh. Sự tham dự của quý vị tác giả chứng tỏ một sinh hoạt năng động, phong phú, góp phần vào việc tăng thêm giá trị của nền văn học Việt nam hải ngoại.

Ngày 23 tháng 7 năm 2008

HỘI QUỐC TẾ Y SĨ VIỆT NAM TỰ DO

Lời bình của Ban Giám Khảo / Ban Tổ Chức về các tác phẩm trúng giải

Bộ Môn Biên Khảo.

1- *Từ điển nhân danh, địa danh & tác phẩm văn học nghệ thuật Trung quốc, tác giả: Hoàng Xuân Chinh.*

Đây là bản in tặng bỏ rất nhiều từ một tác phẩm của cùng tác giả đã xuất bản năm 2000, nên số trang đã tăng gấp ba lần. Về nội dung cũng phong phú hơn, đầy đủ hơn. Tuy chưa hẳn hoàn hảo, nhưng cũng rất hữu ích đối với những ai cần tra cứu liên quan đến đề tài tham khảo.

Giá trị đặc biệt của cuốn sách nằm ở chỗ giúp cho những độc giả nào đọc các sách tiếng Anh, Pháp về Trung Hoa có thể dễ dàng tìm ra cách đọc quen thuộc hơn trong tiếng Hán-Việt, vì có những đối chiếu với cách đọc theo hai phương pháp phiên âm La Mã (Pinyin và Wade-Giles) là những cách đọc thường thấy trong sách ngoại quốc.

Sách trình bày và in sáng sủa, có chữ Hán đi kèm theo. Thỉnh thoảng lại cũng có trích thơ khiến cho cuốn từ điển đỡ khô khan.

2- *Việt Nam: môi trường và con người, tác giả: Thái Công Tụng*

Dùng thư tịch có cân nhắc, chọn lọc. Có sách dẫn theo đề mục rõ ràng.

Mức độ đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam rất cao: đan địa lý vật chất với địa lý nhân văn tạo nên môi trường học rất đặc sắc.

Chủ đề không phải nhất thiết mới mẻ, sáng tạo, nhưng trình bày gọn ghẽ, thuyết phục bằng bút pháp trong sáng, vững chãi. Các tên khoa học dùng trong sách đáng tin cậy

3- *Những biến cố mát lành thổ, lãnh hải Việt Nam từ năm 939 đến 2002, tác giả: Trịnh Quốc Thiên.*

Tài liệu tham khảo phong phú trong ba thứ tiếng Anh, Pháp, Việt, và tài liệu lấy từ internet. Có bản đồ, văn kiện gốc rất giá trị và cần thiết.

Có lẽ đây là cuốn sách đầu tiên đặt vấn đề mát đất, mát biển không chỉ đối với Trung Hoa mà còn cả đối với các nước láng giềng khác như Lào, Miên và Thái.

Chủ đề độc đáo cho độc giả một cách nhìn mới mẻ, so sánh về vấn đề biên giới, lãnh hải.

Phương thức diễn đạt sáng sủa, rõ ràng, khoa học.

Bộ Môn Sáng Tác

1- *Nhất Linh cha tôi, tác giả: Nguyễn Tường Thiết*

Tập hợp những bài viết của tác giả trải trên hơn 40 năm và viết từ quan điểm của một người đã rất gần gũi với văn hào Nhất Linh, lại được bỏ tước bằng những cuộc gặp gỡ sau năm 1975 với một số tác giả miền Bắc quen biết Nhất Linh từ xưa (như Cù Huy Cận ...) nên giá trị tài liệu rất cao.

Sách cũng được viết do một người có ý thức văn học nên văn chương lưu loát, nhiều đoạn cũng nghệ thuật, vượt hẳn lên trên lối viết chân chỉ hay kể chuyện đặng thẳng của một bản tường trình hay một cuốn hồi ký theo thứ tự thời gian.

2- *Hương chanh, tác giả: Võ Thị Diễm Đạm*

Đề tài 30 tháng Tư, di tản, tỵ nạn ... là đề tài đã được nhiều nhà văn hải ngoại triệt để khai thác suốt từ sau 1975 đến bây giờ. Thế nhưng với nghệ thuật cấu trúc chặt chẽ và bút pháp sáng sủa với nhiều chỗ dí dỏm khiến cho tác phẩm *Hương chanh* vẫn lôi cuốn người đọc đến chữ cuối cùng.

Một câu chuyện tình lồng trong hoàn cảnh tang thương của đất nước sau ngày miền Nam bị cưỡng chiếm, tác giả đã khéo lột tả một cách linh động được cái không khí ngột ngạt bất ổn của miền Nam trong thời kỳ này.

Hư cấu và thực tế đan vào nhau khéo léo... đã đưa cuốn tiểu thuyết *Hương Chanh* lên một địa vị đáng kể.

Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do

Giải thưởng Văn Học 2002

Hội Đồng Tuyển Lựa:

Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Bác sĩ Nguyễn Tường Bách,

Giáo sư Bùi Xuân Quang, Bác sĩ Trần Văn Tích,

Giáo sư Nguyễn Quý Bông, Bác sĩ Nguyễn Mạnh Tiến

Tác phẩm trúng giải

Giải Văn Học 2002

Án tích cộng sản Việt Nam, tác giả: Trần Gia Phụng

Giải Montréal 1987

Cửu Long cạn dòng, biển Đông dậy sóng, tác giả: Ngô Thế Vinh

Giải Los Angeles 1989

Việt Nam thắng và bại, tác giả: Lê Quế Lâm

Giải Paris 1991

Việt Nam khát vọng dân chủ tự do, tác giả: Nguyễn Chí Thiệp

Giải thưởng Văn Học 2004

Hội Đồng Tuyển Lựa :

Nhà văn Võ Phiến, Nhà văn Nguyễn Hưng Quốc, Bác sĩ Trần Văn Tích,

Nhà văn Phan Lạc Phúc, Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Giáo sư Trần Gia Phụng

Tác phẩm trúng giải

Bộ môn biên khảo.

.Giải danh dự đặc biệt: truy tặng ông Hoàng Cơ Thụy, tác giả bộ **Việt sử khảo luận**

.Giải nhất: **Văn học hiện đại và hậu hiện đại qua thực tiễn qua góc nhìn lý thuyết,**

tác giả Hoàng Ngọc-Tuấn

Bộ môn sáng tác

Giải đồng hạng:

.**Đường ta đi**, tác giả Đặng Đình Túy

.**Chuyến mùa**, tác giả Trương Anh Thụy

CON NAI VÀNG NGỢ NGÁC

TÂM MINH NGŌ TẶNG GIAO

Vùng thủ đô Hoa Kỳ đã bắt đầu vào Thu. Tháng 10 trời bớt nóng bức. Virginia vẫn được mệnh danh là tiểu bang của những người yêu nhau (“Virginia is for Lovers”). Nhưng nếu trời cứ tiếp tục nóng bức và hạn hán thì những cặp tình nhân cũng chịu không nổi mà phải “tắt lửa lòng” sớm thôi. Bởi thế mùa Thu đến đã được mọi người chào đón nồng nhiệt, nhất là những người từng có một thời sinh sống tại Đà Lạt.

Nói đến mùa Thu những người yêu thơ lại nhớ đến một bài thơ dễ thương thuở trước mà tác giả là Lưu Trọng Lư., đó là bài “Tiếng Thu”:

Em không nghe mùa Thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng Thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngợ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

Người Đà Lạt tìm thấy trong bài “Tiếng Thu” cái hình ảnh “trăng mờ” bồng bềnh trên đỉnh núi, lênh đênh qua ngọn đồi, chấp chờn ẩn hiện trong lũng sương hay lấp ló qua các rặng thông ngút ngàn của

núi rừng Lâm Viên. Lại còn cái âm thanh “xào xạc” của cả một thảm lá cây rừng nữa chứ! Cái âm thanh êm ái thân thương từng nhẹ vang giữa đất trời Đà Lạt như còn mãi mãi vang vọng trong lòng người xa xứ.

Câu thơ “*Con nai vàng ngợ ngác đạp trên lá vàng khô*” đã vẽ ra cả một bức tranh thơ mộng, tuyệt mỹ của rừng núi Lâm Viên mà những người từng sống lâu năm tại đây thỉnh thoảng vẫn có dịp được chiêm ngưỡng!

Tiếc thay người yêu thơ được biết tác giả “Tiếng Thu” đã bị phê bình gắt gao về bài thơ này. Đại ý như sau: “Lưu Trọng Lư là nhà thơ tiêu biểu cho một thời đại trong thi ca, tiêu biểu cho một thế hệ thanh niên Việt Nam mà một số rất đông còn bơ vơ trước một ngã ba đường, đang đi tìm một hướng đi cho bản thân và cho dân tộc nhưng chưa tìm thấy, có lúc trong hoang mang và tuyệt vọng tưởng đâu chỉ có thể tìm thấy con đường đó ở trong thơ”.

Sau 1975 nhà thơ Lưu Trọng Lư đã từ Bắc vào Nam và đi đây đi đó để nói chuyện văn thơ và nhân đó tự thanh minh cho mình, tự biện hộ cho bản thân mình về bài “Tiếng Thu”. Nhà thơ họ Lưu ngộ ý đã tìm ra “lý tưởng” rồi và sửa lại một cách gượng gạo là: “*Con nai vàng không ngợ ngác nữa, Em ơi!*”

Trên báo chí trong nước sau 1975, người yêu thơ được đọc những bài báo phê bình gay gắt chú nai vàng ngợ ngác: thái

độ ngỡ ngác là “đáng trách”, là không tự “giác ngộ” để nhập cuộc với “cách mạng trong cả nước”, là thái độ “tiểu tư sản”, là “chạy lười lao động” v.v... Các bài báo nhân mạnh thêm là con nai vàng sao lại chỉ ngỡ ngác đạp trên đồng lá vàng khô xào xạc mà không nhân dịp này lấy chân vun vén cái thảm lá vàng khô đó lại thành từng đồng để nhân dân có thể dùng làm... “chất đốt”. Thật tội nghiệp cho chú nai vàng!

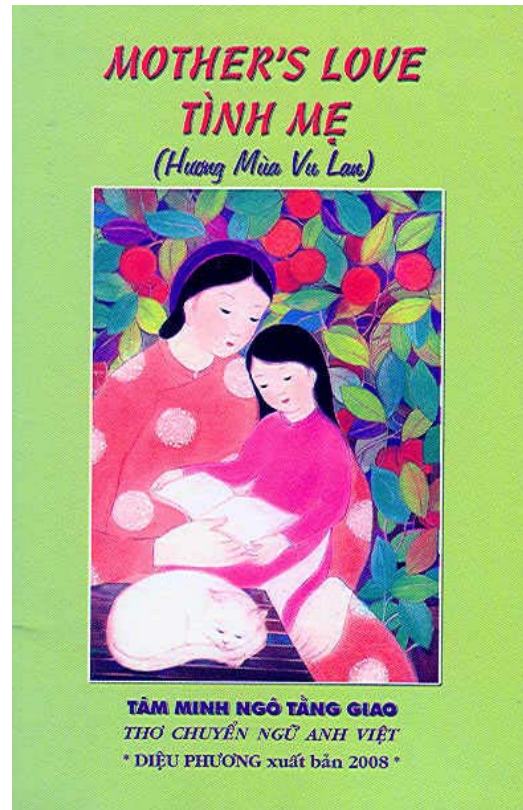
Ở nước ngoài người ta được đọc một bài của nhà văn Vũ Kỳ viết về Lưu Trọng Lư với tiêu đề: “Những giọt nước mắt của nhà thơ Lưu Trọng Lư”. Vũ Kỳ kể lại là trong một cuộc đi chơi với Lưu Trọng Lư vào năm 1979 khi Vũ Kỳ nhắc lại những vần thơ nổi tiếng của Lưu Trọng Lư, trong đó có bài “Tiếng Thu” thì Lưu Trọng Lư nói: “Ồ! Anh hay quá, làm sao mà anh thuộc được thơ của tôi nhiều vậy? Thú thực, anh đọc lên, tôi cứ tưởng là của ai, chính tôi cũng không nhớ được bài thơ nào của mình mà cũng không ai nhắc cho tôi nhớ nữa...”

Sau đó nhà văn Vũ Kỳ viết tiếp: “Tôi sửng sốt và giật mình. Té ra tôi đang chứng kiến một hiện tượng nhị phân nhân cách về tâm lý học: con người thứ hai của họ Lưu không nhớ gì đến con người thứ nhất nữa. Hay con người thứ nhất trong thể xác của họ Lưu đã hoàn toàn bị hủy diệt bởi con người thứ hai do sự tẩy não thành công của một quái đản ma mị!”

Lưu Trọng Lư giờ đây đã ra người thiên cổ. Mùa thu Virginia đã gọi cho người Đà Lạt nhớ về thành phố đầy niềm

thương nỗi nhớ này và đồng thời nhớ về Lưu Trọng Lư, một nhà thơ từng được coi là “nhà thơ của tình yêu và mộng tưởng”, “giàu tính lãng mạn, mơ mộng, đắm đuối và say mê cuồng nhiệt.” Nhà thơ mà một thời đã được Hoài Thanh nói là: “Giá một ngày kia Lư có nhảy xuống sông ôm bóng trắng mà chết ta cũng không nên ngạc nhiên chút nào”.

**TÂM MINH
NGÔ TẶNG GIAO**
(Virginia)



XUÂN DIỆU, NHÀ THƠ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Trần Thy Vân

(Tiếp theo kỳ trước, Cổ Thơm 43)

Lần này dưỡng Cũ mới trầm trở:

– Hay! Dữ dội!

Nghe người bạn tri kỷ khen, Xuân Diệu cười múm múm, đặt quyển sổ xuống bàn và đưa tách trà lên miệng.

Quả thật, Thi sĩ Xuân Diệu đã tỉnh ngộ, sau hơn 30 năm sống dưới chế độ gian trá Cộng Sản. Liếc thấy chữ “giây” ở câu chót, tôi hỏi:

– Hình như cậu Diệu viết lộn “dậy” thành “giây”?

Mẹ tôi càu nhàu:

– Mà dám sửa thơ cậu mày?

– Chứ “giây” nghĩa là gì? Thôi, tiện đây, cậu chép cho bài “Biển” kéo quên.

Xuân Diệu cúi mở cái cặp dưới chân rút ra tờ giấy:

– Đã có sẵn.

Tôi đưa hai tay đón nhận bài thơ. Tuồng chữ không nắn nót mà rất đẹp, trên góc trái có ghi một hàng chữ bằng mực xanh: “*Chép tặng cháu Trần Thy Vân*”. Tôi hãnh diện. Lần đầu tiên được đề tặng thơ với thủ bút của thi hào. Tự nhiên, tôi ân hận vì chệch chữ “giây” vô nghĩa, và âm điệu bài “Bấp” như tiếng bấp rang, tiếng xe bò lộc cộc trên đường lổm chổm đá. Tôi đọc thầm bài thơ Xuân Diệu tặng:

BIỂN

(Chép tặng cháu Trần Thy Vân)

*Anh không xứng là biển xanh
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng
Bờ cát dài phẳng lặng
Soi ánh nắng pha lê.
Bờ đẹp đẽ cát vàng
Thoai thoải hàng thông đứng
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng.*

*Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khê thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi.*

*Đã hôn rồi hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt.*

*Cũng có khi ào ạt
Như nghiêng nát bờ em
Là lúc triều yêu mến
Ngập bến của ngày đêm.*

*Anh không xứng là biển xanh
Nhưng cũng xin làm bể biếc
Để hát mãi bên gành
Một tình chung không hết.*

*Để những khi bọt tung trắng xóa
Và gió về bay tỏa nơi nơi
Như hôn mãi ngàn năm không thỏa
Bởi yêu bờ lấm lấm em ơi!*

Xuân Diệu (1961)

Tôi toát mồ hôi. Hèn chi ông được ăn cháo gà. Thấy đã quá trưa, Dượng Cũ bảo Xuân Diệu:

– Diệu vào trong nghỉ chút, để chiều sang Ủy Ban Xã với Cũ thăm mấy ông bạn già từ thời kháng chiến chống Pháp.

Xuân Diệu đẩy ghế đứng dậy, hai chú em Tâm và Trí rủ nhau ra xe đi chơi, còn dượng Cũ thì tới ngồi cạnh mẹ tôi nơi giường gần đó.

Mẹ tôi lẩm bẩm:

– Ông lên nằm với Diệu như ngày nào đi. Đêm qua ông ngủ dưới này Diệu ghen tôi, không thấy sao? Ghen cả đời!

Dượng Cũ vừa gượng cười vừa ôm gối đứng lên. Nghe bà nói vậy với nét mặt hai người kém vui, tôi rất đổi ngạc nhiên. Chắc có chuyện u ám gì đây, hay mẹ tôi xin? Trưa chiều nào bà cũng làm vài cốc rượu trước bữa ăn. Nhậu thì không bao nhiêu mà hay lèm nhèm, thỉnh thoảng bà mới say lúy túy rồi ngủ, chứ không nói sáng. Chẳng hiểu hôm nay mắc chứng gì, hay bà nói lóng, cũng chưa hẳn vì lóng kiểu đó để tôi nghĩ là cậu Diệu yêu bà, “Ông lên nằm với Diệu như ngày nào đi... Ông ngủ dưới này Diệu ghen tôi, không thấy sao?”. Bà còn nhấn mạnh: “Ghen cả đời!”. Rõ ràng một tràng lời bạch văn, không mã hóa, cũng chẳng sáo ngữ, ẩn dụ.

Tôi phải hỏi cho ra lẽ. Tôi gấp bài thơ “Biển” đút vào túi, rồi lặn xe tới cạnh giường:

– Mẹ ngủ chưa?

Bà hé mắt:

– Chưa.

– Hồi nãy mẹ nói gì ghen với tui vậy?

– À... chuyện Xuân Diệu ghen tao với dượng mày...

Tôi sửng sốt:

– Mẹ đã bảo cậu Diệu là em me mà!

Bà trợn mắt:

– Mày nghe lầm! Xuân Diệu yêu dượng mày, không phải yêu tao...

– Yêu dượng thì có sao, bạn bè...

– Mày không biết đâu! Hai ông kỳ cục lắm, lấy nhau như vợ chồng. Hồi xưa, khi bắt đầu quen dượng Hồ Cũ mày, Diệu đã ghen tao rồi.

Mẹ tôi nói toạc ra, tôi muốn độn thổ:

– Mẹ làm như dượng với cậu đồng tính luyện ái...

– Chớ gì nữa? Chuyện này chỉ gia đình biết thôi.

Dượng Cũ nhà trên xuống, tỏ ý không vui:

– Mình nói cho Vân nghe làm chi?

– Nó lớn rồi...

Tính dượng Cũ hay nuông chiều mẹ tôi. Ông ngồi xuống bên cạnh bà:

– Vân muốn biết, để dịp khác dượng kể.

Không bỏ lỡ cơ hội ngàn vàng, tôi thưa ngay:

– Bây giờ là dịp tốt, dượng! Kìa, có cậu Diệu nữa.

Xuân Diệu uể oải đi thẳng tới cái bàn giữa, ông vừa kéo ghế ngồi vừa hỏi:

– Gì đấy, Cũ?

– Nhà tôi nhắc chuyện xưa giữa Diệu và Cũ.

Xuân Diệu lấy hai tay chống cằm, ngồi nhìn ra ngoài sân. Tôi rót ông một tách trà và nói như đã rõ hết nguồn cội cuộc tình phản thiên nhiên ấy:

– Tập thơ “*Gửi Hương Cho Gió*” của cậu vẫn được các nhà phát hành ở miền Nam tái bản, trong đó có bài “*Xuân Đầu*”, phía trên đề “*Tặng Hồ Cũ*”, nên có độc giả nghĩ rằng cậu với dưỡng Cũ đã một thời “đồng tính luyện ái”. Chuyện thiệt hư thế nào, cậu?

Xuân Diệu còn ngập ngừng, đang phân vân chưa biết trả lời sao, đột nhiên mẹ tôi choàng ngồi dậy, nổi máu... nghệ sĩ ngâm bài Xuân Đầu tôi vừa đề cập:

Khi Phạm Thái gặp Quỳnh Như thuở ấy

Khi chàng Kim vừa thấy nàng Kiều

Hồi năm tháng vội đi làm quá khứ

Trở về đây, và đem trở về đây

Thiên liêng quá những chiều không dám nói

Những tay e, những đầu gối cúi nhau

Chim giữa nắng sao mà kêu đến chói

Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau...

– Ô, mẹ hay quá!

Tôi trầm trồ khen, mẹ tôi khoái chí, bị kích động thì đúng hơn, lặp lại và kéo dài câu chót, như điệp khúc của một bản nhạc. “*Điệp khúc*” ở đây để bà tỏ ý còn ghen ngầm dưỡng Cũ với Xuân Diệu: “*Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau*”. Chuyện đã 40 năm trước vẫn tái diễn. Rồi bà mỉm cười, nụ cười uẩn khúc, mỉa mai. Thật ra bà đọc, không phải ngâm, tuy có lúc cũng lên bổng xuống trầm.

Bài thơ “*Xuân Đầu*” thật tuyệt vời đối với tôi từ thuở còn đi học, nay nghe lại những tiếng tơ lòng của Xuân Diệu, tôi vẫn thấy cảm động. Cảm động một phần do người đọc bằng giọng hồn dỗi, oán trách người em thi sĩ với kẻ được tặng thơ là chồng mình đang ngồi trước mặt -cuộc tình tay ba.

Mẹ tôi rầu rầu nói:

– Bài này chưa hay lắm đâu, còn một bài nữa... mới chết lòng người. Chết thật...

Tôi thích thú reo lên:

– Bài gì, mẹ ngâm luôn!

Bà vờ làm nghiêm sắc mặt, liếc dưỡng Cũ:

– Bí mật! Thơ Diệu tặng riêng Hồ Cũ, tao không dám!

Chuyện xưa được gợi nhớ bất ngờ, Xuân Diệu thắm buồn, đôi mắt mơ màng nhìn qua cửa sổ. Dưỡng Cũ, vì cậu nói mẹ tôi lời cuốn, cũng thả hồn về một khung trời dĩ vãng đầy ắp kỷ niệm. Môi ông run run:

– Lát nữa, dưỡng sẽ đọc bài thơ mà mẹ của Vân bảo là bí mật, bây giờ dưỡng kể đại khái thế này...

Dưỡng liếc qua Xuân Diệu đang trầm ngâm:

– Hồi đó, 1936, dưỡng 24 tuổi, làm công chánh cho Pháp ở Quy Nhơn. Diệu thì 20, vừa hoàn tất ban thành chung, sắp ra Hà Nội học thi tú tài. Hai đứa gặp và quen nhau.

Một đêm nọ, đến chơi thường lệ, nhưng lần này Diệu cao hứng hát hoài, hát suốt đêm. Sau một tuần Diệu hỏi: “Anh có biết vì sao hôm đó tôi hát dữ vậy không?”, rồi Diệu tự trả lời: “*Vì anh đó!*”. Dưỡng ngạc nhiên. Thú thật, lúc ấy dưỡng cũng khoái cái vẻ đẹp trai của Diệu. Vậy là cả hai mê mẩn, không rời nhau nửa bước...

Trước khi quen nhau Xuân Diệu chưa nổi tiếng lắm. Thật lòng mà nói, chính dưỡng là nguồn thi hứng cho Diệu đi vào văn học nước nhà. Diệu xin phép bố mẹ để Diệu cùng dưỡng về xây tổ “*uyên ương*” ở Vạn Gò Bồi, Bình Định, quê ngoại của Xuân Diệu...

Dưỡng Hồ Cũ ngưng một giây, day qua mẹ tôi, cười hì hì. Xong, ông kể tiếp:

– Thân sinh Xuân Diệu, cụ Ngô Xuân Hiếu, là thầy thuốc Bắc, thân mẫu buôn bán mắm ở Vạn Gò Bồi, Bình Định, đời sống hai ông bà cũng êm ấm lắm. Ăn ở với Diệu được một năm thì chia tay, vì dượng gặp mẹ của Lý, ngoài Quảng Nam vào, phải trở lại Quy Nhơn. Như Vân biết, trước khi chung sống với mẹ Vân tới bây giờ, dượng đã trải qua một đời vợ, sanh ba chị em thằng Lý.

Năm 1937 dượng mua một căn nhà kế bờ biển Quy Nhơn. Một đêm hè, Xuân Diệu đột nhiên đến, nhằm lúc dượng và mẹ của Lý đang nằm trong phòng. Diệu biết nên không vào, cứ đi loanh quanh ngoài nhà. Vài hôm sau Xuân Diệu kể lại làm dượng cảm động muốn khóc, nhất là khi nhận được bài thơ, văn tuồng chữ đẹp, đầy hồn dỗi, Diệu viết tặng dượng. Đây, dượng đọc cho nghe:

*Có lúc tưởng chỉ để rơi tàn lửa
Tay vô tình gieo một đám cháy to...*

Dượng Hồ Cũ vừa cất giọng lên hai câu đầu, Xuân Diệu đã vội đứng dậy bước ra ngoài, như muốn lẩn trốn khỏi căn phòng mà ông tưởng chừng sắp tràn ngập một khung trời đau đớn xa xưa. Mẹ tôi thì trở mình nằm nghiêng, quay mặt vào vách, tôi không nghe mẹ thở dài riêng rẽ vì ngay cả tôi cũng bị cơn bão lay động, một cơn bão lòng từ những người trong cuộc tình lạ lùng ấy.

Sau giây phút gián đoạn, tiếng ngâm càng thê lương hơn khi dượng Hồ Cũ trở lại từ đầu:

*Có lúc tưởng chỉ để rơi tàn lửa
Tay vô tình gieo một đám cháy to
Người tưởng buông chi đôi tiếng hẹn hò
Tôi hưởng ứng bằng vạn lời say đắm
Dượng rạo rức thì thâm rồi rắm
Ngập lòng tôi nhưng ai để ý đâu*

*Tôi điên cuồng tất nhiên tôi phải khổ đau
Tôi biết lắm, trời ơi tôi biết lắm
Tôi biết rằng chỉ cách một ngày sau
Cây bên đường sẽ trông thấy tôi sầu
Đi thất thểu, đi lang thang, đi quanh quẽ
Vì vội đến để tìm nhau tôi sẽ
Chỉ thấy người thương nhưng chẳng thấy
tình thương
Và như màu, theo nắng nhạt như hương
Theo gió mất tình người đã tàn mất
Tôi sẽ trốn thân thờ ngơ ngác
Trái tim buồn như một bãi tha ma...*

Dứt lời, dượng im lặng, đôi mắt ướt ướt nhìn ra mái hiên, nơi Xuân Diệu đang “*thần thờ ngơ ngác*” đâu ngoài đó.

Hắn dượng Cũ từng nghiền ngẫm, thuộc lòng bài thơ bí ẩn ấy của Xuân Diệu viết năm 1937, nên tiếng ngâm trôi chảy, đúng chỗ dồn dập, nức nở... Câu cuối dượng buông thông cốt làm rõ ý một nỗi tuyệt vọng.

Ôi, mối tình *đồng tính luyến ái* cũng thảm sâu, đầy máu lệ thật!

Tôi hỏi ông dượng:

– Cái đề bài thơ tuyệt diệu đó là gì?

– Lâu quá quên, lát nữa hỏi Diệu. Sau khi theo cha ra Hà Nội, Diệu gửi thư vô dượng tới tấp, lá nào tình cảm cũng dạt dào. Diệu còn gửi biếu các món quà quý. Như dượng đã nói, thân sinh Diệu làm thầy thuốc Bắc, mỗi lần bỏ thuốc tễ, loại hảo hạng, để Diệu uống, Diệu đều chia dượng phân nửa. Cái gì Diệu có là dượng có...

Thơ Xuân Diệu nổi tiếng rất mau, những tháng cuối cùng ở Quy Nhơn. Báo chí đăng đi đăng lại nhiều bài thơ, khiến các cô mê mệt, mà chàng thi sĩ tài hoa có nghĩ đến ai ngoài dượng.

Những bức thư bốn phương gửi Diệu đều bị vút nơi góc bàn, dựng phải viết trả lời thay...

Đến năm 1939, chiến tranh bùng nổ, dựng sang Lào làm việc, hai đứa thực sự xa cách. Không gian xa cách mà dựng và Xuân Diệu vẫn mãi gần nhau trong tâm hồn...

Dựng Cũ thử dài:

– Bài thơ dựng vừa đọc, cứ gọi là bài “Không Thi Đề”, chưa từng phổ biến trên sách báo suốt 40 năm nay. Ngoài tác giả, dựng với mẹ, mẹ của Lý đã chết không kể, Vân người thứ tư được nghe và chép bài thơ. Cuộc tình “đồng tính luyến ái” này, có thể có kẻ biết, chỉ biết lơ mờ, dựng không cấm Vân tiết lộ ra ngoài, nhưng hiện nay chưa tiện, Diệu đang là cán bộ.

Hình như Vân có nói vì “tâm bệnh”, thơ Diệu mới trở nên bất hủ. Hẳn vậy, vì sự kiện Diệu và dựng yêu nhau, cái tình yêu treo căng ngồng, nhưng dựng không quen dùng hai chữ “tâm bệnh”...

Qua câu chuyện tôi được hiểu thêm một vấn đề mà từ lâu tôi tưởng những cuộc tình không thích hợp chỉ thỏa mãn xác thịt tạm thời trong giây phút rồi đường ai nấy đi, không thể thấm thiết, keo sơn, trăm năm vợ chồng, như giữa người nam và nữ. Chẳng rõ Xuân Diệu suốt thời gian ngoài Bắc có “lang chạ” hay không, chứ dựng Hồ Cũ trong Nam vẫn một lòng “đồng tính”, là một nguồn cảm hứng, cũng khá sinh động, lạ đời, để Xuân Diệu khoác áo thi sĩ lãng mạn nhất trong văn học Việt Nam.

Xuân Diệu từ ngoài sân “thất thủ” đi vô, mẹ tôi vội ngồi dậy xuống bếp soạn cơm chiều. Để thay đổi bầu không khí u ám, tôi đẩy trang giấy tới trước mặt Xuân Diệu:

– Đây nè, bài thơ cháu làm lúc sáng, cậu xem thử.

Xuân Diệu vừa ngồi xuống ghế vừa cười cười:

– Chà, lính chiến cũng thơ nữa.

Ông chăm chú nhìn những hàng chữ:

XUÂN DIỆU VIẾNG THÁC GU-GA

Kính tặng Thi sĩ Xuân Diệu

Gu-ga thác đổ xoáy vòng

Đục trong đã biết mà lòng còn trao

Người về như thể chiêm bao

Bọt tung réo bóng, nước ào gọi tên

Người về trăm nổi hàn huyền

Bốn mươi năm hết ưu phiền từ đây

Rừng xanh, mây trắng, búa vây

Trong thung thác vẫn đổ dài ngàn năm

Tôi nhìn người đứng lặng cầm

Đội trời nghe nước âm âm xuống danh.

Trần Thy Vân

(Gu-ga 13/06/1976)

Đọc xong, Xuân Diệu gục gặc cái đầu:

– Có hồn lắm! Nhưng câu thứ hai không ổn, họ nâng quan điểm thì nguy to. Vân cho chế độ này không tốt, cậu biết mà vẫn theo.

Tôi biện minh:

– Tại người ta nhìn qua lớp kính màu nên mọi vật mất vẻ trong sáng thiên nhiên...

Xuân Diệu bỗng ngoảnh mặt xuống nhà dưới:

– Chị Ba nghe không, Vân nó cãi bướng đây này!

Mẹ tôi vọng lên:

– Tôi đã bảo mà!

Ông cậu khật khù, vẻ nghiêm nghị:

– Nghe vụ nhà văn Khái Hưng chưa? Khi vịnh chân dung Bác, ông viết: “Hô hào trăm vạn thắng, dí dỏn mây, thúc gió đấu tranh giành độc lập”. Thế là bị giết vì tội chơi chữ: “Hô hào” đọc trại: “hao Hồ”, “dí dỏn” thì tục tũ. Để sửa vài chỗ, rồi gửi đăng báo Nhân Dân. Sáng tác kiểu này có ngày chết (Ông làm bầm trong miệng).

Tôi làm như trẻ con, giấy nấy:

– Thôi cậu, vợ con đói le lưỡi ếch, đăng thơ trên báo làm gì? Hồi nãy cháu tò mò đến chuyện “tréo căng ngỗng” giữa cậu và ông dưỡng, đừng buồn nghe? Giờ cháu xin phép về.

– Khoan, bây giờ hai anh em Vân qua nhờ Ủy ban xã Phú Hội tổ chức buổi bình thơ của cậu cho nhân dân nghe tối nay.

– Bảo thằng Tâm đi. Thấy mặt cháu họ ghét thêm thôi!

Tôi lết ra xe, vừa tới cửa tôi quay lui cười:

– Việc gì ghét? Nói rõ cậu bình thơ Bác Hồ.

– Bác Hồ cũng thi sĩ nữa hả cậu?

Xuân Diệu trốn mắt gườm tôi.

Lúc chiều bên trụ sở xã về, Tâm kể rằng các ủy viên bàn thảo viết một tấm biểu ngữ sao cho thật hay treo trước cổng hội trường. Kể bảo “Đêm bình thơ thi sĩ Bác”, người đề nghị: “Thi sĩ Hồ Chí Minh”. Có một ông ngẫm nghĩ thế nào đó, vội chạy ra sau hè vừa đứng tiểu vừa cười khật khật một mình...

Nghe chuyện, Xuân Diệu nhăn mặt: “Rõ khổ, mấy ông xã này dốt quá!”.

Mới 7 giờ tối, hội trường ấp 3, Phú Hội, đã đông nghẹt, đa số là thanh niên nam nữ. Thấm thoát giặc về xâm chiếm đã hơn một năm, dân chúng khắp nơi tả tơi, lớp chết lớp tù đầy, còn có khuynh hướng tiếp tục bị cưỡng

bách lao động, quần quật đầu tắt mặt tối vẫn không đủ ăn. Chế độ này dần dà sẽ biến con người thành cái máy không hồn, thờ thờ thần thần. Nay sức lực đâu nữa để nghe thơ với thần. Chỉ tụi trẻ gặp dịp tới tìm bạn bè cùng trang lứa chơi. Một số tò mò, muốn thấy tận mắt nhân vật nổi tiếng Xuân Diệu, hơn là nghe thơ, nghe phú, loại cỏi trên của “thi sĩ” Hồ Chí Minh.

Nơi hàng ghế đầu, đối diện lá cờ đỏ sao vàng và tấm ảnh “thi sĩ Bác” treo trên vách, gia đình dưỡng mẹ tôi ngồi cùng một băng dài với các cán bộ huyện, xã. Phía sau thì lục lăng trái ấu lổn ngổn.

Lần đầu tiên, một cựu sĩ quan chế độ cũ như tôi lại được “an tọa” một chỗ rất gai con mắt là kế Xuân Diệu. Trước đó, lúc còn chập chờn ngoài hiên, tôi định lặn xe vào cuối phòng để yên thân và để ra ngoài hiên hút thuốc, nhưng Xuân Diệu lại sai Tâm công lên ngồi bên ông cho bằng được. Chắc ông có ý tốt, thương thằng cháu. Vì nể cái ông cậu bốc đồng, tùy hứng này mà tôi khổ tâm, thân xác thì muốn rã rệu, chẳng có chỗ dựa.

Giờ đầu buổi bình thơ không mấy hấp dẫn. Xuân Diệu nói nhiều về một mơ chữ nghĩa xác xược của các tác giả con vẹt, đặc biệt “thi sĩ Hồ Chí Minh”, hô hào chống Tây chống Mỹ. Thấy hội trường tuy khá đông mà như không người, chỉ nghe tiếng thở phào phào, uể oải và chốc chốc từng cơn ho gà khô khan ở các dãy ghế phía dưới, Xuân Diệu vội đổi đề tài chọc cười. Không rõ vô tình hay cố ý xiên xỏ, ông lôi bài thơ “ghẻ” bản nhất của “cha già dân tộc” ra giễu.

Xuân Diệu nói tỉnh bơ:

– Ai ở xa tưởng Bác là thánh. Sự thật Bác cũng con người, dơ dáy thì bị lở ghẻ. Những năm sống trong chiến khu, hang Pác Pó, trúng mùa ghẻ, thứ ghẻ càng gãi càng ngứa, ngứa thì gãi quá đã, nên Bác tả cảnh “hồ hởi” đó qua bài “Đàn”...

Xuân Diệu vừa nói vừa diễn hai tay như cầm cây đàn gảy gảy bên hông, thay vì cào cào, gãi gãi dưới háng, mới đúng vị trí “chiến khu” của Bác. Cử chỉ này khiến mọi người cười âm, ngoại trừ các cán bộ ngồi thộn mặt. Bỗng nhiên giữa hội trường có tiếng gãi sột soạt thật. Nhằm lúc tháng 6/1976, sau một năm quân Bắc Việt chiếm cứ miền Nam, cũng khởi đầu một trận dịch ghẻ ngứa khắp nơi. Âm thanh tiếng gãi mỗi lúc một rân lên vô trật tự. Bài thơ “Đàn” của Bác đã kích thích đám nông dân, “Hồ hào trăm vạn... gãi”, có hiệu quả.

Thấy ông cậu bốc hứng diễn cường, giải nghĩa quá kỹ, tôi lo sợ ông dễ bị cho mò tôm dưới thác Gu-ga quá chừng. Ông thất sủng cũng đúng.

Xuân Diệu chuyển qua bình bài thơ Biển xa xưa của ông, cũng như đến bài “Thác Gu-ga” làm sáng nay, thì được nhiệt liệt tán thưởng. Cả hội trường tán thưởng vì nội dung ca ngợi một địa danh của xã nhà, hơn về mặt văn chương.

Để kết thúc một buổi tối chưa đến nổi tẻ, ông đọc nhanh bài “Nghe Nhạc Nam” viết trước đó gần một năm, 11-8-1975, tại Hà Nội, còn chút dấu vết lãng mạn:

*Dâng bài vọng cổ giữa mưa đêm
“Con sáo sang sông” chứa vạn niềm
Tất cả nhớ thương về cặp bến
Hồn anh say đắm giữa vời em.*

*Dâng Điều Trường tương tư nhạc Nam
Vãn Thiên Thường ấy khúc ai làm
Mưa đang lác đác lừng chừng ngớt
Nhạc tỏa trong phòng ánh sương lam.
Ngập cả hồn anh yêu mến thôi
Nhớ nhung như sóng tới đây dôi
Một làn không khí đưa hơi mát
Mưa đã tạnh rồi em thương ơi.
Em ở Sài Gòn nghe thấy chẳng
Hồn anh lướt nhạc tới giăng giăng
Đêm nay thức mãi cùng thương nhớ
Không có mà như có bóng trăng.*

Sáng nay, Xuân Diệu từ già gia đình dựng mẹ tôi để lên Đà Lạt, ông sẽ vòng qua Buôn Mê Thuột thăm người chị, rồi về Hà Nội luôn. Tôi lấy Honda chở ông ra bến Tùng Nghĩa. Dọc đường hai cậu cháu chẳng trò chuyện được bao nhiêu, ngoài vài câu tôi hỏi đến tình hình đất nước hiện tại sao quá căng thẳng, bi đát, cậu cũng chỉ trả lời bao quát vô thưởng vô phạt.

Trước khi lên Taxi, với vẻ mặt buồn buồn, Nhà thơ Xuân Diệu siết tay tôi:

– Cậu hiểu những điều Vân ưu tư. Hãy gắng sống. Dượng Hồ Cũ của Vân có bảo cậu thu xếp về Nam sinh sống. Chắc là vậy...

Tôi im lặng. Xe lăn bánh, tôi vẫy tay chào Xuân Diệu mờ mờ bên kia tấm kiếng khung cửa bám đầy bụi đỏ. Đó là hình ảnh cuối cùng trong trí tôi.

(Trích trong truyện dài *Tiếng Hờn Chân Mây*)

Trần Thy Vân
(California)

XÓM NHỎ

TIỂU THU

Khi gia đình Mai dọn về Ngã Tư Bình Hòa thì nó vừa lên tám. Anh Tú hai mươi và chị Thơ mười tám, đang mang bầu thằng Phương.

Trước đó hai năm, chỉ có một mình ba lên Sài Gòn ở tạm nhà chú Sáu Tuấn bên Thị Nghè. Ba giữ chân kế toán trưởng cho một viện bào chế thuốc tây vào hạng lớn nhất Sài Gòn thuở đó. Ông chủ người Pháp quan tâm ở tuốt bên Kinh đô ánh sáng. Năm thì mười họa mới giá lâm một lần để xem nhân viên mần ăn ra sao? Mọi việc đều giao cho một quản lý người Việt nên cái màn "văng chủ nhà gà vọc riêu tôm" cũng có lúc xảy ra. Trong đám phụ tá của ba Mai có chú Thạnh, nhỏ hơn ba năm, sáu tuổi nhưng số nhi đồng lại đông gấp đôi, nên nhà chú thường xuyên thiếu trước hụt sau. Có lần thiếu Thạnh vô nhà thương mổ ruột dư, túng quá chú đành vô văn phòng của ba, gãi đầu gãi tai một hồi mới ấp úng :

- Anh Thăng, vợ em nằm nhà thương... (thở dài!), em cũng biết là làm phiền anh lắm, nhưng mà... (chắc lưỡi...), em hết biết tính sao!

Ba Mai không nói không rằng, rút đại một cái hoá đơn của một nhà thuốc nào đó còn thiếu tiền, đưa cho chú Thạnh:

- Nè, đi đòi đi. Rồi tháng sau ráng trả lại cho đảng hoàng nghe không.

Chú Thạnh hớn hờ cầm cái hóa đơn cứu mạng, miệng cảm ơn rồi rít.

Ba thích giúp đỡ mọi người nên được các đồng nghiệp yêu mến. Thỉnh thoảng mấy chú kéo đến nhà Mai nhậu nhẹt, cả anh chàng dược sĩ trẻ người Pháp từ Paris qua. Má Mai làm đồ nhậu là số một.

Sau này, thấy mỗi lần má dẫn Mai lên Sài Gòn thăm ba cực khổ quá, vì phải đi tàu từ Cao Lãnh qua Sa Đéc. Không muốn phiền người quen nên má và Mai phải ngủ

qua đêm trên mui tàu, sáng hôm sau mới lấy xe đò lên Sài Gòn. Nội qua cái bắc Mỹ Thuận cũng mất mấy tiếng đồng hồ. Thành thử quãng đường chỉ dài độ 140 cây số mà phải đi cả ngày mới tới. Má còn cụng bị lũ khủ nào gạo, khô, gà vịt, trái cây... Lần nào cũng bị lơ xe cản nhần. Đó là chưa kể tình hình dưới quê rất lộn xộn. Lính Quốc gia. Lính Hòa Hảo. Việt Minh. Người



dân ở giữa giống như trái độn. Nạn cướp tới thăm có khi một tháng đôi lần.

Mai nhớ lần nọ má và chị Thơ chở một ghe xoài qua bán bên tỉnh Bến Tre, Mai phải qua ở với ông bà nội. Đêm đó ngày rằm nên trăng sáng vàng vạc. Mai ngủ chung với bà nội ở gian nhà giữa. Chị Yến con cô Hai ngủ trên bộ ván gỗ cạnh cửa sổ ngó ra vườn. Không hiểu cao hứng gì mà đêm đó chị gác một chân lên thành cửa sổ. Nửa đêm giựt mình, có cảm tưởng như hai cánh cửa nhúc nhích. Chị ngồi bật dậy ngó qua khe cửa thấy một người mặc đồ đen, vai đeo súng đang cố sức kéo cho cánh cửa bật ra. Chị la:

- Cướp! Cướp! Cậu bầy ơi, ăn cướp!

Cả nhà tỉnh ngủ tức thì. Bà nội kéo Mai chun xuống gầm giường, con nhỏ run như cây sậy. Bà mò xuống bếp lấy cái mâm thau hay nồi đồng gì đó Mai cũng quên mất, chun trở vô gầm giường, tay vừa gõ xèng xèng, miệng niệm Phật lia lịa. Ông nội có chỗ bí mật để ngủ mỗi đêm, nên không khi nào lên tiếng. Nghe tiếng báo động của bà nội, cả xóm kẻ gõ nồi, người gõ mâm, người khác gõ mõ vang rân cả xóm. Chị Yến gan lì hết sức, vừa chạy vòng vòng vừa ngó qua khe cửa. Trong nhà tối, bên ngoài trăng sáng như ban ngày, mỗi lần thấy bóng một tên cướp, khoảng 3 đứa, đi xung quanh nhà, gõ cửa nào cũng giựt thử là chị lại thét lên -chắc để cướp tinh thần địch:

- Nó nè cậu bầy ơi. Chả đâu đưa đây con đấm nó (!??)

Chú Bầy cũng phụ họa:

- Đâu đâu. Để đó cho tao !

Lính ở đồn Mỹ An bên kia sông, xéo xéo nhà ông nội nghe tiếng báo động bên Tân An liền bắn qua mấy tràng súng thị uy. Bọn cướp thấy không xong bèn rút lui có trật tự...

Mờ sáng hôm sau, vị hôn phu của chị Yến, ở tuốt luốt bên xã Mỹ Ngãi, lật đật qua vấn an người yêu. Chị cười lỏn lển hỏi sao biết, thì anh Dương cũng rất thiệt thà thổ lộ rằng, tối hôm qua, lẫn trong tiếng xèng xèng, cóc cóc, anh còn nghe tiếng cướp cướp được phát ra từ cái giọng Soprano "vượt bức tường âm thanh" của chị, bay qua tận bên nhà của anh. Tuy rằng hai nhà cách nhau một cánh đồng xa độ cây số rưỡi. Vì vậy anh thấp thỏm đợi hừng sáng là qua" thăm dân cho biết sự tình". Thấy chị bình an vô sự anh rất mừng. Mai không biết khi khám phá ra cô vợ tương lai có cái giọng "cao hơn người" này - chị Yến vốn cao chưa tới thước rưỡi - anh Dương có lo sợ cho hai cái màng nhĩ của anh không nữa?!. Cứ vậy, không thành công lần này chúng tiếp tục trở lại hỏi thăm sức khỏe lần khác. Tuy không tổn thất vật chất, nhưng tinh thần lại thiệt hại trầm trọng. Ba thấy vậy kêu cả nhà lên Sài Gòn ở luôn.

Ba má mua lại một căn nhà mái tôn, vách bở kho nho nhỏ trên đường Lê Quang Định. Sau này buôn bán khá, căn nhà được nới rộng thêm ra. Nhà cách ngã tư độ trăm thước đi về hướng chợ Cây Quéo. Cũng nhờ bác Ba Đại của Mai an cư lạc nghiệp tại xóm này hơn hai mươi năm rồi. Bác có tám người con - năm trai, ba gái. Lớn nhất là anh Hai Jean. Nhưng

bị mọi người "nhất trí" kêu là Răng. Lúc ông Diệm lên chấp chánh bắt phải đổi lại quốc tịch Việt. Không hiểu do óc khô hời hay vì lý do nào khác, anh lấy tên là Nguyễn Văn Vàng. Từ đó tên anh trở thành Hai Răng Vàng, tuy cả hai hàm, kiếm bầy ngày cũng không ra cái răng vàng nào hết. Anh giống bác Ba trai, đẹp như tài tử Mỹ, cái miệng lại trơn như thoa mỡ. Mỗi lần anh ghé thăm là cả nhà cười nghiêng cười ngửa. Ông bà già vợ quý anh như vàng. Hai ông bà trước sau chỉ có hai cô con gái rườ. Chị Tâm và chị Nguyệt. Anh lấy cô em là chị Nguyệt. Tin tưởng tuyệt đối nơi chàng rể quý, nên năm ba bữa bà má vợ lại nhờ:

- Răng à, chở dìu chị hai con vô Chợ Lớn khui hụi cho má. Bữa nay má ể mình đi hồng đực!

- Răng à, chở chị hai con vô nhà bà Tôn đòi tiền dìu má. Trời Phật ngó xuống mà coi. Thiếu có năm ngàn mà đi mòn đường cũng hồng chịu trả. Ớ hự !!

Cho tới một hôm chị Tâm khăn gói ra đi không một lời từ biệt cha mẹ già. Tra khảo rết, cuối cùng anh Răng cũng phải thú thiệt là đã đem chị Tâm dấu một chỗ chờ ngày đập bầu. Vì ngoài những chuyện bà má vợ nhờ làm, anh còn thày lay làm luôn những chuyện bả không hề nhờ tới mới là khổ !!

Nghe tin động thiên đình bà già lẩn ra sần gạch khóc lóc thảm thiết, nhưng cuối cùng cũng đành chấp nhận thương đau!! Nhưng từ đó hai chị em không thềm nhìn mặt nhau nữa. Riêng cái mục sản xuất nhi đồng thì không bà nào chịu thua bà nào. Cứ

chị Tâm một đứa thì chị Nguyệt một đứa cho huê!

Nhà bác ba Đại ở ngay mặt đường cái. Kế đó là quán cà phê, hủ tiếu của vợ chồng chú ba Lâm. Mỗi buổi sáng quán này đông nghẹt khách tới ăn điểm tâm. Phần lớn là dân thợ thuyền hoặc phu xích lô. Hai ông bà không con, nuôi một con chó vàng khôn hết sức. Không hiểu sao một bữa cao hứng, chú cầu ta chạy băng qua đường (chắc thấy một bóng hồng nào đó đang nhớn nhơ bên kia chãng? Vì chỉ có tình yêu mới khiến cho muôn loài đâm ra mù quáng, không còn sợ trời sợ đất gì hết!) bị xe xích lô máy cán chết tươi. Thiếm ba khóc quá chừng vì thương chú cầu này như con... Nhà Mai kế bên nhưng thụt sâu vô trong. Khoảng sân trước giáp với quán cà phê. Mỗi buổi sáng, Mai chỉ cầm cái ly bước vô sau bếp chú ba Lâm là có cà phê sữa nóng hổi và khi thì cái bánh tiêu, khi cái giò chèo quẩy, đĩa xiu mại đem về cho ba ăn sáng trước khi đi làm. Gần đường, sát vách quán má Mai chất đồng củi khô bán cùng xóm. Vì thời đó nhà nào cũng chụm củi hoặc chụm than. Mỗi tối, cơm nước xong, cả nhà quây quần ở chiếc bàn tròn trước sân. Nói chuyện tầm phào hoặc nghe ké mấy tuồng hát bội từ cái ra dô bên quán cà phê. Vì vậy ngay từ nhỏ, Mai đã thuộc lòng chuyện Bà Chung Vô Diệm với lão vua dê xồm Tề Tuyên Vương. Mỗi lần nghe cái giọng khấn cầu thảm thiết của lão khi giặc tràn tới biên cương:

- Hậu ơi Hậu. Hậu ráng cứu trăm chuyễn này. Trăm thề sẽ...v.v..và v.v... để

rồi sau đó, khi bà đẹp xong giấc trở về, lão ta lại nghe lời mấy con Thứ phi xí xọn đêm xiêm, kiếm mọi cách tống bà vô lãnh cung là Mai lại tức càn hồng. Có lần nhỏ hỏi má:

- Má à, sao bà Chung Vô Diệm giỏi võ như vậy, mà lúc bị đày vô lãnh cung, bà hồng chém cho ông vua một nhát để ông chết phứt cho rồi ?

Chị Thơ háy một cái lạnh lùng luôn:

- Vậy cũng nói! giết "thằng chả" chết rồi là hết chuyện, lấy đầu cho mày nghe mỗi buổi tối?

Má cũng nói ối chuyện người ta đặt ra mà, hơi đầu thắc mắc! Vậy chớ Mai cũng cứ ầm ứ! Cái bà Chung Vô Diệm ngoài chiến trường thì oai phong lẫm liệt, trước mặt lão vua già lại yếu xìu như cái bánh tráng ướt! Lão chỉ cần "thở" ra vài lời đường mật là bà ta lại hồ hởi đem thân xông pha ra chiến trường dẹp giặc. Có lần vác cái bầu gần ngày sanh ra trận. Bị kẹt trong vòng vây, bèn để rớt luôn một hoàng tử giữa trận tiền. Trong khi đó lão vua già phây phây ở nhà ôm ấp mấy con Thứ Phi cà chớn! Bà Chung Vô Diệm hiền chớ Mai là chém ráo trội. Từ lão dâm tặc cho tới mấy mụ thứ phi cà chua. Chị Thơ nói con nhỏ này mới nứt mắt mà đã dữ như bà chằn. Mai một chắc ở giá hồng ai dám rước!

Sát vách nhà Mai là nhà cô Bảy Huệ. Lúc gia đình Mai tới định cư thì họ đã ở đó rồi. Bà mẹ lúc đó độ ngoài năm mươi, tóc hoa râm, rất đẹp người. Cô bảy độ chừng hăm lăm, hăm sáu tuổi và thằng Bảo là con người anh ruột của cô. Nghe bác Ba gái nói ông này theo lính Bình

Xuyên đóng bên kia cầu chữ Y. Nó bằng tuổi Mai mà sáng nào cũng ngồi trước hàng ba khóc nhèu nhẹo cho tới khi bà Hai Cần, bà nội nó, xì tiền ra cu cậu mới chịu nín. Ba cấm không cho Mai chơi với nó. Ông nói ba nó là giặc Bình Xuyên. Mai thấy thiệt là vô lý. Ba nó theo Bình Xuyên có phải tại nó xúi đầu mà bắt lỗi nó? Vì vậy sau giờ học, Mai hay lén qua sân nhà cô Bảy Huệ để chơi nháy lò cò với thằng Bảo. Trường Mai học ở gần nhà trong khi ba đi làm tuốt ngoài đường Catinat. Nhưng phải canh chừng, hể thấy bóng chiếc Alcion trở tới trước cửa nhà nhỏ Kim Châu, cách nhà Mai hai căn, là phải lẹ lẹ nháy phốc qua cái lan can mà về tức thì, nếu bị bắt tại trận tối đó sẽ bị phạt quỳ...

Thật ra cho tới bây giờ, nghĩ lại tình cảnh cô Bảy Huệ lúc bấy giờ, Mai không biết nên thương hay nên trách?

Cô Bảy người tầm thước, nước da bánh mật, miệng hơi móm duyên, cười khoe hai hàm răng nhỏ rức. Không phải sắc nước hương trời, nhưng là một nhan sắc hiền diệu, ưa nhìn. Cô nói năng rất nhỏ nhẹ, chừng mực. Sáng nào Mai cũng thấy cô mặc bộ đồ nữ quân nhân, đúng giờ một chiếc xe nhà binh tới ngừng trước ngõ, rước cô đi làm. Chiều cũng chiếc xe nhà binh đó đưa cô về. Ngoài giờ làm việc Mai chưa thấy cô đi chơi với bạn trai bao giờ, tuy rằng thời đó, ở tuổi cô, có thể nói là đã lỡ thời ! Mai không biết lương hương của cô ra sao, chỉ biết ngoài mẹ cô là bà Hai Cần (mắc bệnh ghien đánh tứ sắc) cô phải cưu mang thêm thằng Bảo. Mất mẹ sớm, ba nó lại đi lính Bình Xuyên

giao đứt nó luôn cho má con cô nuôi. Thấy nó côi cút tội nghiệp, đôi khi bà Hai cũng chiều quá đáng. Sau này, khi quân chính phủ dẹp tan đám Bình Xuyên, ba thằng Bảo bị bắt ở tù. Vì vậy ngoài má con cô Bảy Huệ và thằng Bảo, nhà không bao giờ có bóng đàn ông... Vậy mà một bữa đi học về, mới tới đầu ngõ Mai thấy một người đàn ông trọng tuổi từ trong nhà cô Bảy đi ra. Dáng người hơi thấp, mập mạp, trắng trẻo, tóc hoa râm. Nhìn ông, người ta đoán ngay được là dân có tiền. Tò mò Mai đứng lại nhìn. Ra tới cổng, ông ta còn dòm bên trái, bên phải như kiếm ai rồi mới đeo cặp kính đen, bước hối hả ra đường, đi về hướng ngã Tư Bình Hòa. Mai vô nhà gặp chị Thơ đang nấu cơm chiều, nhỏ kể luôn:

- Em mới thấy có một "ông già" từ nhà cô Bảy Huệ đi ra.

Chị Thơ thì thâm, vì bếp nhà Mai sát vách nhà cô Bảy:

- Ông là "mèo" của cô Bảy đó.

Mai nhảy dựng như bị phỏng lửa:

- Cái gì? Mèo của cô Bảy?

Chị Thơ cú lên đầu Mai một cái đau điếng:

- Nhỏ hòng chút coi. Mà y la om sòm bên kia "họ" nghe được làm sao?

Mai vừa vò đầu vừa nhăn nhó:

- Chị có lộn hông đó. Chắc ông là "mèo" của bà Hai...

Chị Thơ xì một cái:

- Mà y biết gì mà nói. Hôm kia bà Hai qua đây "tâm sự", khóc lóc một trận quá trời với má đây nè. Bà nói tại nghèo, lại cần tiền lo cho ba thằng Bảo ra khỏi tù,

nên có người bà con làm mai cho cô Bảy làm bé ông này, cố đành ưng thuận. Ông có vợ mà gần hai mươi năm nay bả cứ trơ trơ, chẳng chịu chữa để cho ông đưa con nào hết trơn. Mà ông thì giàu quá trời. Chủ một hãng xe đồ, tới cả chục chiếc lận. Ông ham con lắm nên chịu bảo bọc hết gia đình cô Bảy. Hôm nay tao thấy ông vô đây mấy lần rồi đó. Nghe đâu ông gần năm mươi tuổi, nhưng nhờ giàu có tẩm bổ nhiều thành thử còn "chiến" lắm. Mà y hổng để ý lúc này cô Bảy đâu còn đi làm nữa.

Ờ há, cả tháng nay Mai không thấy chiếc xe nhà binh mỗi sáng tới rước cô Bảy như thường lệ. Nhưng ai đâu để ý "chiện" người lớn? Bữa nay chị Thơ nhắc Mai mới nhớ ra. Rồi sau những lần gặp gỡ lén lút tại nhà cô Bảy, kết quả là cái bụng cô mỗi ngày một lớn thêm ra. Ông Kiện mừng hết lớn luôn. Bình thường ông ta đến và đi đều trong giờ làm việc, chắc để bà vợ khỏi nghi, đậu xe xa xa rồi mới tà tà đi bộ đến cái "tổ oan ương". Mỗi lần người khách quý này tới là bà Hai Cần phải kiểm soát, khi thì xách giỏ đi tuốt xuống chợ Bà Chiểu, lúc lại dọt qua nhà Mai ngồi tán dóc với má ít lâu cho "đôi trẻ" miễn việc - Mà họ làm việc này rất nghiêm chỉnh, vì đối với ông Kiện, thì giờ thật sự là tiền bạc! Có lẽ sung sướng quá nên ông đâm ra bất cẩn, không coi chừng cẩn thận như trước. Một ngày đẹp trời đi học về, Mai thấy một bà đứng tuổi - cỡ má - phốp pháp, mặt mày đầy son phấn đứng trước cổng nhà cô Bảy (đương nhiên là được cài móc phía trong rất kỹ để phòng hờ...). Bàn tay có những móng sơn đỏ chói,

đang xỉa xói vô nhà, miệng chửi dòn tan. Lối xóm bu lại coi đồng nghệt. Bả phân búa:

- Từ mấy tháng nay tui biết là thằng chả có mèo. Theo dõi riết bây giờ mới bắt được tại trận. Tui biết chắc là tụi nó đương hú hí với nhau ở trống. Rồi bả nghiêng rặng trèo trẹo rít lên:

- Trời ơi thằng già dịch. Đầu hai thứ tóc rồi mà còn ngu (?) đem tiền cho "con ngựa" đáng tuổi con nó ăn. Trời ơi là trời! Tui có lầm lỗi gì đâu mà bị đối xử tàn nhẫn như vậy? Đồ ác nơn thất đức! Tội nghiệp, bả quên là trong xã hội Việt Nam, vợ chồng lấy nhau không con cũng là một vấn đề trọng đại. Có được bao nhiêu người đàn ông rộng lượng? Phần nhiều là các ông hay chụp ngay cái cơ đó để lập phòng nhì, phòng ba. Réo đòi gian phu dâm phụ ra chửi tới bởi hoa lá mà thấy trong nhà vẫn áng bình bất động, bả dâm mắt hứng đàn hình lui binh, sau khi ném lại một câu đe dọa xanh dờn :

- Rồi tui bây sẽ biết tay tao !

Nghe nói chiếc Peugeot 203 của ông đậu tốt ngoài ngã tư, gần rạp Cao Đồng Hưng bị bà Hoạn Thư đập tan tành hết mấy cái kính. Thôi thì không bị đốt như chồng cô Hườn là may rồi, nhằm nhò gì ba cái kính xe!

Sau đó, không biết ông về điều đình với bà vợ ra sao mà không thấy bả trở lại đánh ghen cô Bảy Huệ nữa. Thằng Toàn ra đời trong sự vui mừng tột cùng của ông Kiện. Đây tháng của nó, cô Bảy cúng nguyên một con heo quay to tướng. Bà Hai đem biếu hàng xóm

HOA BẰNG LẪNG TÍM

Một chiều khắc khoải cánh hoa rơi
Tim tím màu hoa chợt nhớ người
Se sắt chiều tàn hồn trống vắng
Phổ buồn hiu hắt em đơn côi

Héo hắt tình tan khúc nhạc sầu
Vi vu ngọn gió thổi về đâu
Hững hờ lá nhạt phai màu nắng
Cay đắng sông Tương thốn thức đau

Mùa Thu lại đến hỏi mưa ngâu
Chuyên chờ bao nhiêu giọt lệ sầu
Hoa uá hồn thu giờ vỡ nát
Chim côi lia tổ cánh rời mau

Phận khổ đồng cam hoa tím ơi
Làm chi tím tím một phương Trời
Để người năm ấy giờ xa vắng
Một côi riêng em nhạt lá rơi .

Uyên Phương
Minh Nguyệt
(Houston, TX)

mỗi nhà một phần ăn lấy thảo. Mai còn nhớ lúc nó được đầu năm, sáu tháng gì đó, ông Kiện bị tai nạn gãy một chân phải nằm nhà thương. Vậy mà ngày nào ông cũng bắt taxi xé chở tới đậu trước cổng nhà, cô Bảy Huệ ẵm thằng Toàn ra cho ông nựng nịu, hôn hít một hồi rồi mới

chịu trở vô nhà thương. Thấy đồng đồ chơi của nó mà bắt thèm. Chị Thơ sanh thằng Phương trước nó năm tháng, mà tội nghiệp quanh đi quẩn lại chỉ có hai ba món đồ chơi quèn. Bù lại nó là đứa cháu đầu nên được cả nhà cưng như cưng trứng. Nó lại đẹp quá trời nên ba lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng móc.... hình thằng cháu ngoại ra khoe !...

Ngay phía sau hè nhà cô Bảy là gia đình bác Hân, người Bắc, mới di cư vào Nam được gần năm nay. Bác trai độ bốn mươi tuổi nhưng gầy còm, mặt mũi nhăn nheo như trái táo khô. Con trai lớn nhất mới mười sáu và đứa út bảy tuổi. Cả nhà từ lớn tới nhỏ cộng thêm hai người thợ suốt ngày đánh vẹc ni đàn. Đủ thứ: guitare, mandoline, violon. Chỉ đánh vẹc ni thôi, xong rồi đem giao chỗ khác. Vì vậy hể mở cửa sau là nghe "nồng nàn" mùi vẹc ni, bắt nhứt cái đầu! Mai không hiểu sao cả nhà bác Hân có thể hít thở cái mùi khó ngửi này quanh năm ngày tháng? Chị Thơ nói thì quen lỗ mũi chớ sao. Giống như bác ba gái nhà mình ghiền dầu cù là, lúc nào cũng thủ một chai trong túi áo. Bác Hân trai mắc bệnh suyễn. Đôi khi đang làm, bác ngưng tay, vói lấy cái điều cây rít thuốc lờ rờng rọc, sau đó lại nổi cơn ho sù sụ, cái lưng cong như con tôm luộc! Bác Hân gái hiền, cũng ốm o, hàm răng trên hô, chìa ra khỏi cặp môi dày lúc nào cũng sẵn sàng toét ra cười. Tội nghiệp bác, tối ngày chúí đầu trong bếp nấu ăn cho chồng con và đám thợ.

Cạnh bác Hân, tức ngay sau hè nhà Mai, chỉ cách cái sân rộng độ ba thước là nhà bà cụ Hiền. Cụ cũng khoảng sáu

mười, người nhỏ bé (bây giờ gọi những người sáu mươi bằng cụ dấm bị vác chiếu ra tòa vì tội... phỉ báng!). Tóc còn đen mượt, được vấn trong chiếc khăn nhung đen. Lần đầu, Mai giựt mình khi thấy cụ cười khoe hai hàm răng đen thui đen thui. Mai tưởng cụ bị sâu răng, nhưng sau mới biết tại cụ nhuộm. Theo phong tục ngoài Bắc, đàn bà phải răng đen mới đẹp. Hồng giống "người Việt" mình, răng trắng chừng nào đẹp chừng nấy, má nói. Cụ có một người con duy nhứt là cô Lành, trắng trẻo, mảnh khảnh, trái với ông chồng tên Thịnh, mang lon trung sĩ, nghe đầu lớn hơn cô cả một con giáp. Chú Thịnh to lớn, mặc đồ nhà binh đầy vẻ oai vệ. Có lần cụ than với má:

- Khổ lắm bà ơi. Thân tôi góa bụa, lại chỉ có một mụn con gái, không ở với nó thì ở với ai? Ông rể thì suốt ngày lằm lằm, lì lì không nói một lời, nên mình cũng chẳng biết nó thương hay nó ghét. Thôi thì cứ cắn răng mà chịu!

Nói xong cụ rơm rớm nước mắt. Điều đều, sáng sớm cụ bung một thúng xôi bắp nóng hổi, đi một vòng vô xóm trong độ hai tiếng đồng hồ là hết nhẩn. Thú thật cho tới bây giờ Mai cũng chưa hiểu tại sao người Bắc kêu xôi bắp là xôi lúa? Có lần Mai ngậy thơ hỏi cụ ơi, lúa làm sao mà nấu thành xôi được hả cụ? Cụ cười khoe hàm răng đen nhánh :

- À, thì từ xưa người ta vẫn gọi thế!

Nhà cụ còn một nhân vật mà Mai rất thích là chú Phong, em họ chú Thịnh. Chú Phong thuộc loại bạch diện thư sinh, tuổi chỉ độ ba mươi, ăn nói duyên dáng. Đôi

khi chú qua nhà Mai chơi, gặp bữa cơm, má mời:

- Mời chú Phong dùng ba hột cơm với gia đình tui cho vui.

Chú giả bộ sững sốt:

- Trời, bà chị chỉ mời em đúng có ba hột cơm thôi à? Chưa đủ cho em nhét kẽ răng nữa là!!

Cả nhà ai cũng cười má, vì tuy ở Sai Gòn mấy năm rồi mà vẫn không bỏ được cái câu "ăn ba hột cơm cho chắc bụng". Ba nói ba hột cơm của má bây chắc là ba hột cơm Thạch Sanh! Cụ Hiền kể cho má nghe hồi còn ngoài Bắc, gia đình chú Phong ở dưới quê giàu lắm. Chú bị tảo hôn nên mới lên mười đã bị nhà cưới cho một cô vợ tới hai mươi cái xuân xanh. Lúc hết tiểu học, chú phải lên Hà Nội ở trọ để học tiếp. Mỗi lần về quê chơi trở lên, cô vợ có phận sự phải theo hộ tống ông chồng hỉ mũi chưa sạch này. Có điều rất mất mặt bầu cua là chú đi vé trẻ con và cô vợ thì phải mua vé người lớn. Khi nói, với làn sóng di cư năm năm tư, chú rất hồ hởi đơn ca bản: Tung cánh chim tìm về tổ...khác. Chú âm thầm theo gia đình chú Thịnh xuống Hải Phòng lên tàu há mồm đi một lèo vô Nam.

Khít vách nhà cô Bảy Huệ là gia đình cô Tư Kim Anh, em bà con của thiếm Ba Lâm, chủ tiệm cà phê kế nhà Mai. Cô Tư ốm yếu xanh xao, lúc nào cũng buồn rười rượi! Chớ vui sao được mà vui? Mới ba mươi hai cái xuân xanh mà cô đã phải "quản lý" một đàn con bảy đứa! Con Mỹ Lan lớn nhất lên mười và thằng cu út mới biết bò. Ông chồng lính kín của cô tối ngày nồng nực mùi rượu, lại mắc chứng

bình ghen kinh niên. Đi làm thì thôi, về nhà là ông kiểm chuyện gậy gõ, đánh đập cô rất tàn nhẫn. Tiếng chửi bới, la hét, khóc lóc từ nhà cô vọng ra thường lắm. Mới đầu chú thiếm Ba Lâm còn nóng ruột em, chạy qua can gián, nhưng bị ông em rể trời đánh này "xức" luôn:

- Bộ anh chị là đồng lõa của con vợ tui hay sao mà bình nó? Muốn ở tù rục xương hả?

Chú thiếm đành phở mặc cô em với định mệnh đau thương! Mai có gặp cái thằng cha ác ôn đó vài lần, mà lần nào cũng thấy cặp mắt, chắc là đổ ngẫu, của chả dấu kỹ sau cặp kiến đen, mặt mũi sần sùi coi rất dữ dằn, sặc mùi... lính kín!

Giữa tiệm cà phê chú Ba Lâm và nhà bác ba Đại là con hẻm chạy ngoằn ngoèo vô rất sâu trong xóm. Sở dĩ nó ngoằn ngoèo là vì bà con trong hẻm khi cất nhà không thèm theo một nguyên tắc nào cả mà tùy hứng, lồi ra thụt vô một cách rất "tự ro". Vì vậy mà tất cả các con hẻm ở cái đất Sài Gòn đều ngoằn ngoèo như những cái ruột gà! Phía mặt đường, ngay góc tiệm cà phê là giang sơn của bà Năm Hậu. Đối với Mai lúc đó thì bà đã già lắm rồi. Chiếc khăn rằn đỏ quanh năm trùm mái tóc bạc trắng. Khuôn mặt và hai bàn tay nhăn nheo, đen sạm vì suốt ngày dãi nắng, dầm mưa. Không chồng cũng chẳng có con, bà thui thủi một mình trong căn nhà lá ngay phía sau nhà bác Ba Đại và sống nhờ vào cái sạp hàng nhỏ xíu trước quán cô Ba Lâm. Cái sạp gỗ cao hơn mặt đường độ hai tấc. Trên đó bày đủ thứ, mà trăm phần dẫu là nhằm vào các bà, các cô và các đấng... nhi đồng: cóc được gọt vỏ,

tĩa ra từng cánh để xơi cho lẹ, ổi mạn, chùm ruột, me, xoài sống... bên cạnh tô muối ớt giã đồ tươi và tô mắm ruốt để chấm những thứ kể trên. Vài hũ kẹo bột, thèo lèo cứt chuột, bánh in, bánh tai heo... và cái món mà bà moi tiền tụi nhóc nhiều nhất là món khô mực nướng. Từng miếng khô cắt vuông vức độ bốn ngón tay, được nướng trên lửa than. Than cháy đỏ đưng trong cái soong nhôm cũ móp méo thắm hại. Lúc chín tới, bà để lên trên cái thớt me dày cộm, rồi dùng cái búa nhỏ đập nhẹ cho tới khi miếng khô mực tơi ra, sau đó mới phết lên trên một lớp tương ớt mỏng. Chèn đét, mới hồi tưởng lại đã chảy nước miếng! Tội nghiệp bà, bữa nào nắng ráo thì khá, những hôm mưa dầm, chẳng có ma nào mua, lại còn bị nước mưa tạt vô ướt nhẹp, phải dọn hàng về sớm. Phần lớn số tiền má cho Mai đều chạy tuốt vô túi bà năm Hậu qua những trái cóc, ổi, khô mực nướng. Phần còn lại nộp mạng cho cái xe nước đá nhận trước nhà con Bích Thủy. Má cấm không cho Mai với nhân vật này vì trên đầu nó có nuôi khoảng... một triệu con chí! Chỉ cần vén một nhánh tóc lên thôi, là cả một sư đoàn chí đực, chí cái, chí mên rơi xuống ào ào như sao sa lá rụng! Về sau nó phải cạo trọc đầu mới thanh toán nổi cái đám chí khổng lồ đó. Vậy mà ở trường, thầy nào, cô nào cũng cố gắng nhét cho bằng được vô đầu đám học trò vô tội cái câu: ở đời có... chí thì nên! Hay có lẽ tại má chưa từng nghe câu này nên mới cấm Mai không được có chí? Hỡi ơi bà đâu có biết cái hậu quả tai hại Mai phải gánh chịu là cho tới

bây giờ, Mai chẳng có một ly ông cụ ý chí nào hết. Làm cái gì cũng bỏ dỡ nửa chừng! Phải chi hồi nhỏ...

Buổi tối, khi đèn đường bắt đầu bật sáng, không biết từ đâu một chiếc xe mì được đẩy tới trấn thủ ngay phía trước nhà bác Ba Đại, dưới tàn cây trứng cá. Bao giờ cái tiếng tắc xịt, tắc xịt của hai thanh gỗ cũng vang lên từ xa, trước khi bóng dáng chiếc xe mì xuất hiện. Mùi thơm từ mấy thùng nước lèo xông lên điếc mũi. Chiếc xe đẹp hết ý. Bên trên những thùng nước lèo và dưới cái mái nho nhỏ che mưa nắng là một giàng kiếng có bốn mặt. Một mặt được vẽ sự tích Tề Thiên Đại Thánh - Một mặt vẽ sự tích Tiết Đinh San cầu Phàn lê Huê và hai mặt nhỏ hai bên chỉ vẽ chim chóc, hoa lá, tất cả đều tô màu sắc rực rỡ. Chủ nhân là chú Woòng, người dong dỏng cao, trạc độ ba mươi ngoài, trên môi lúc nào cũng có sẵn nụ cười cầu tài, tay thì xóc mì lẹ như người ta múa kiếm. Mỗi lần anh Hai Răng vô thăm bác Ba đều được đám em út "queo - côm" hết mình, vì mười lần hết chín anh cho phép "xực" mì thả cửa.

Tối trễ hơn xe mì một chút là gánh cháo huyết của một ông Tàu già. Mai không biết tuổi, nhưng thấy ông già lắm, lại ốm yếu hom hem. Tuy vậy tiếng rao cháo... huy...ét... ết... của ổng còn vang rất xa. Cho tới bây giờ, Mai chưa được ăn lại một tô cháo huyết nào ngon như những tô cháo huyết của Ông Tàu già ngày xưa. Những hạt gạo trắng ngần, nở bung, đặc sánh lại với nhau. Những miếng huyết màu đỏ sậm không bao giờ vỡ vụn khi cháo bị khuấy lên, mềm dịu trên đầu

lười. Cái kéo trong tay ông cắt xằm xập những miếng dầu cháo quẩy vàng rộm, dòn tan lẹ thoăn thoắt. Rất chút tiêu, thêm chút hành lá đã có một tô cháo huyết thơm ngon, béo ngậy dù chẳng có một miếng thịt nào...

Sau này nghĩ lại Mai thấy thiệt hứ vía. Vì ngoài hai cái địa danh rất ư là bất lợi: ngã Ba Chú Ía và ngã Năm Chuồng Chó, ba má lại chọn đúng cái ngã Tư Bình Hòa để cư ngụ. Giống y như tên, cái xóm nhỏ của Mai thiệt là hiền lành, dễ thương. Ngoài cái ông lính kín say sưa và hay ghen ầu kia, mọi người đối xử với nhau rất thân tình. Ngay cả cô Bảy Huệ, tuy mang tiếng làm bé ông Kiện mà cả xóm cũng không ai nhìn cô bằng cặp mắt khinh khi rẻ rúng. Mai cũng không hề thấy chuyện trộm cướp xảy ra lần nào. Chỉ có một lần cả xóm náo loạn vì cô Loan con bà Ba Trà Huế ở ngay phía sau nhà bác Đại bị đánh ghen. Cô có một đời chồng nhưng người này bỏ vô bưng theo Việt Minh. May mắn chưa có mụn con nào nên cô về ở với mẹ. Bà ba có sạp bán nước trà huế dưới chợ Bà Chiểu, nhưng cô Loan lại theo người quen đi buôn hàng chuyển miệt Ban Mê Thuộc. Đi buôn lâu ngày cô cặp với một anh tài xế xe hàng. Máy ông này phần lớn thuộc giống đa tình. Máy bà lại muốn lợi dụng chợ hàng vừa nhiều vừa rẻ, nên hai bên đều sẵn sàng kể cho người nhận. Vui vẻ cả làng!

Trung bình một tháng cô Loan đi buôn chừng hai ba chuyến. Mỗi chuyến độ năm ngày. Thời gian còn lại cô ở nhà hoặc ra quán phụ mẹ chút đỉnh. Khi nào ông bồ cô

tới hú hí thì hai người đóng cửa ở lì trong nhà suốt ngày. Cả xóm ai cũng biết vì ông ta tới bằng chiếc xe mô tô, máy nổ bành bành rùm rùm trời đất. Một bữa nọ ông ta vừa tới độ nửa giờ thì một đám ba bà trên dưới ba mươi tuổi, mặt mày hầm hầm đi vô hẻm. Tới trước cửa nhà cô Loan, nhìn thấy chiếc xe mô tô thì một bà nói đúng chỗ này rồi. Chắc chắn thằng khốn nạn đó đang hú hí với con ngựa bà ở trong. Chị em, tụi mình tiến vô. Vừa nói bà này vừa đập cửa rầm rầm, miệng réo tên chồng và tình địch chưởi um sùm. Nhà bà ba Trà Huế vách bồ kho, mái lá. Cánh cửa bằng cây thô sơ coi bộ chống không được mấy lắm hơi. Cả xóm nghe ồn ào bu lại coi đông nghet. Bỗng cánh cửa mở bất thành linh, một người đàn ông đi chân đất, mặc trần sì cái quần xà lỏn, tay ôm áo sơ mi và cái quần tây chạy ào ra, vệt mấy người đang bu trước cửa, phóng lên chiếc mô tô giông mất. Máy bà đánh ghen bất ngờ phản ứng không kịp đành để tên gian phụ cao bay xa chạy. Bất tên này không được họ bèn trút giận lên đầu con dâm phụ. Vậy là a lê hấp ba bà Hoạn Thư xông vô nhà đề cô Loan xuống đánh một trận tới bời. Mái tóc dài đẹp đẽ bị xoắn nham nhở như người bị đau ban mới dậy! Lối xóm còn xằm xì với nhau là cô Loan bị mấy bà chằng lột trần truồng, xát muối ớt vô ... Vì họ nghe bà vợ bị cấm sừng la lớn sặc mùi thù hận: tưởng cái của mày dát vàng dát ngọc gì mà thằng chồng tao mê đắm mê đuối. Trận này bà cho mày tổn tới già, hết đám quyến rũ đàn ông. Và tiếng thét đầy sự đau đớn của cô Loan khiến mọi

người nổi da gà, nhưng không ai dám vô can. Khi bà Ba hay tin tất tả chạy về thì chỉ gặp cô con gái nằm trên giường, thân thể bèo nhèo như chiếc mền rách. Sau trận bị đánh ghen tới bởi này, cô Loan mắc cỡ bỏ xóm đi luôn.

Khi cô út của Mai dọn nhà ra Nha Trang buôn bán, cô nhường cái tiệm tạp hóa của cô lại cho má trông coi. Ba má Mai bán căn nhà ở Bình Hòa dọn về Bến Chương Dương, gần nhà đèn Chợ Quán. Mai không thích lắm, vì cái tiếng u u từ nhà đèn phát ra rất là khó chịu. Má nói riết rồi cũng quen. Tụi bây thử tưởng tượng những người không nhà cửa ở dưới gầm cầu chữ Y, sát bên nhà đèn, họ còn chịu được hưởng chi mình ở xa gần hai cây số.

Thỉnh thoảng cả nhà trở về xóm cũ thăm bác Ba Đại. Bác gái ráp bo: ông Kiên đã ly dị bà vợ, chia đôi số xe đồ và bây giờ chánh thức ở luôn với cô Bảy Huệ. Để đền đáp cái tình sâu nghĩa nặng này, cô sanh thêm cho ổng hai đứa con gái nữa. Hèn chi đi ngang nhà cũ thấy đã lên thêm một tầng lầu. Thôi cũng mừng cho cổ. Bà cụ Hiền theo con rể đổi về miệt Hậu giang, mất liên lạc luôn. Chú Phong nhưt định ở lại Sài Gòn, tiếp tục cuộc đời độc thân vui tính. Gia đình bác Hân làm ăn khấm khá, đổi ra căn nhà ngoài mặt tiền đường, có trương bản hiệu dang hoàng và hai ông bà cũng phát tướng, mập mập hơn xưa.

Cô Tư Ánh sau lần sẩy thai vì bị ông chồng lính kín "âu yếm" hơi nặng tay, đợi thẳng chả đi làm, cô dẫn bầy con bầy

đứa trốn luôn về nhà cha mẹ cổ ở tuốt dưới Trà Vinh. Ông ta tìm xuống, nắn nỉ cách mấy cổ cũng nhưt định hát bài "Kiếp nào có yêu nhau" của nhạc sĩ Phạm Duy, trong đó có những câu rất hợp với cô như : Đừng nhìn nhau nữa anh ơi - Xa nhau đã xa rồi, quên nhau đã quên rồi - Đừng "tìm" chi, đừng tìm chi nữa anh ơi....! Ông ta đành trở về Sài Gòn tiếp tục tìm vui trong men rượu đắng và trút mối hận lòng bằng cách "hỏi han sức khỏe" một cách tận tình mấy người bị lính kín bắt...

Phần bà Năm Hậu sau một trận sưng phổi nặng vì trúng mưa, tuổi già sức yếu chịu không nổi cũng đã từ trần. Hàng xóm láng giềng kẻ ít người nhiều, đóng góp lại, làm cho bà một cái đám tang nho nhỏ. Vậy cũng xong một đời cô quạnh! Chỉ có xe mì chú Woòng và gánh cháo huyết của ông Tàu già vẫn bền theo năm tháng...

Ôi cái xóm nhỏ thân thương. Với muôn vàn nhớ nhung, nhưng Mai không thích sống lại cái cảnh ngõ ngàng của Từ Thức, khi già biệt chốn Thiên Thai để trở lại làng xưa... Biết bao vật đổi sao dời. Mai muốn cái Xóm Bình Hòa nhỏ xíu muôn đời là một kỷ niệm long lanh trong tâm tưởng của mình mà thôi !.

TIỂU THU
(Canada)

NHƯ CẢNH HOA SỬ

BÌNH HUYỀN

Ngọc-Loan và chồng trở về nhà sau buổi sinh hoạt nghệ thuật văn học. Trước khi đi ngủ, nàng dịu dàng nói với Lê, chồng nàng:

- Chiều nay, chị V. và em ngồi chuyện trò trong khi chờ đợi các văn nghệ sĩ cùng thân hữu tới dự buổi sinh hoạt. Chị V. vốn là một văn thi sĩ nổi tiếng. Chị ấy gửi một cuốn tạp chí đang được nhiều người ưa chuộng từ Mỹ gửi qua. Tới mục Vườn Thơ, chị ấy chăm chú đọc, rồi chỉ vào một tác giả, nói : " Thi sĩ này có bút hiệu giống tác giả mà chị quen. Nhưng chất liệu thơ của hai người hoàn toàn khác nhau. Bài thơ này làm cho một người tình trong tưởng tượng." Em bèn cho chị ấy biết rằng thi sĩ đó có lẽ là người tình cũ của anh. Anh thấy thế nào ?

Lê trầm ngâm một vài phút, rồi nói một cách nhẹ nhàng nhưng cương quyết :

- Anh sẽ có cách làm cho cô ta chấm dứt hành động ấy, nếu quả thực đúng là cô ta. Tình cờ cháu gái của em và cô ta làm cùng sở tại một tỉnh bên Texas, nên mình và cô ta có địa chỉ của nhau.

Nói xong, chàng tắt đèn. Trong bóng đêm, chàng thấy rõ mẩu chuyện xa xưa xảy ra vào cuối thập niên năm mươi, trong cư xá Công-Lý, Sài-Gòn, ...

... Lê ngủ dậy, rửa mặt mũi, ăn quà sáng. Chàng mặc quần áo, sắp sửa sang nhà Ngọc-Loan ở xế cửa, thì Mai đến. Nàng vào trong nhà, một tay xách cặp,

một tay cầm bó nhãn. Thấy Lê, nàng cười thật tươi, cất tiếng lạnh lạnh nói:

- Anh có phải lên trời, mà Mai đến, cũng không được đi đâu!

Lê nói khẽ:

- Mai hôm nay kiêu ngạo quá đấy nhé. Dám tranh đua với cả ông trời!

Mai đáp lại:

- Đó là ông trời của anh. Còn Mai có Chúa và Đức-Mẹ. Anh không biết à?

Lê liếc nhìn qua nhà Ngọc-Loan và thấy nàng đang đứng trong khung cửa hàng ba. Chàng bảo Mai:

- Trời là tiếng gọi chung. Nhưng dù sao, Mai cũng đề cao mình lắm đấy. Theo Thánh Kinh Tân Ước mà anh đọc được, tuy anh không có Đạo, thì hình như Mai đã phạm vào tội không khiêm tốn thì phải!

Mai nói như reo lên :

- A! Anh cũng đọc Thánh Kinh kia à?

Bao giờ vaây?

Lê trả lời :

- Lâu rồi. Anh đọc sách đó ở nhà Phong, anh của Linh. Ở đây, cô Tín chủ nhà của anh cũng có. Cách nay đã khá lâu, anh có đọc cuốn Cựu Ước, thấy hay hay. Bây giờ, đọc Tân Ước, được xem nối tiếp, nên anh thích lắm. À, Mai đến sớm thế này, có việc gì đấy?

Mai ngồi xuống *divan*, tay chỉ vào chiếc ghế bên cạnh bàn học, miệng nói liến thoắng:

- Anh có quyền ngồi xuống nói chuyện với Mai. Sao hôm nay anh thích đứng thế?

Lê vẫn đứng gần cửa ra vào, tay trái vịn lên thành cửa, tay phải chống nạnh, mắt nhìn

sang nhà Ngọc-Loan. Nàng vẫn lấp ló sau tấm màn màn. Lê thông thả nói:

- Mai mệt thì cứ ngồi. Đừng lo cho anh.

Mai đá nhẹ vào ống chân Lê, chép miệng, bảo chàng:

- Không sao, anh cứ đứng mà nói chuyện cũng được. Anh muốn là trời muốn. Mai không dám ép. Anh giận cho thì chết! Hôm nay Mai đến sớm, là để xem anh có...ngoan không. Nếu ngoan, Mai sẽ cho anh ăn nhãn...

Lê ngắt lời :

- Nếu không ngoan thì sao?

Mai cười khanh khách, rồi nói :

- Không ngoan, anh cũng được ăn nhãn. Nhưng, anh phải bóc vỏ, ăn một mình. Mai sẽ về ngay...

Lê nghĩ thầm:"Anh không ngoan với Mai đâu. Về đi!" Nhưng chàng im lặng, nhìn người con gái mà cách đây hơn một năm, chàng đã quyết định chọn làm người yêu. Vẫn bộ điệu nhí nhảnh, nửa người lớn, nửa trẻ con, Mai ngày nay chỉ còn gây trong lòng chàng một sự thương hại.

Mai ra về lúc gần mười một giờ sáng. Lê dắt xe qua nhà Ngọc-Loan. Chàng đứng trước cửa nhìn vào. Ngọc-Loan chạy ra, tươi cười hỏi chàng:

- Anh đi đâu thế? Sao sáng nay anh không qua nhà em?

Lê trả lời:

- Sáng nay, anh hơi bận. Bây giờ, anh phải đến trường Gia-Long có việc một tí. Chiều nay hoặc tối nay, anh sẽ sang với em. Bằng lòng không?

Ngọc-Loan cười khúc khích, giơ bàn tay vuốt mấy sợi tóc loà xoà trên trán người yêu. Nàng nói bằng giọng nũng nịu, rất trẻ con:

- Anh muốn gì, em cũng bằng lòng. Nhưng em nhớ anh quá! Làm sao bây giờ, hở anh?

Lê thở dài trong niềm sung sướng trộn với nỗi áy náy. Chàng khẽ vuốt má nàng, ngọt ngào dỗ dành:

- Cho anh mang hình ảnh cùng tình yêu của em theo anh. Còn anh cũng để lại hình ảnh và tình yêu của anh cho em. Như thế, chúng mình sẽ bớt nhớ nhau một lúc. Em có tin lời anh không?

Ngọc-Loan mở to cặp mắt nhưng ngây thơ, hé nụ cười như hoa nở, cất tiếng thỏ thẻ đáng yêu:

- Thật hả anh ? Có thế, em mới bớt lo. Bây giờ, anh cứ đi đi. Em giữ lại hình ảnh trong mắt em, và tình anh trong tim em. Khi nào nó...hết, em lại ra đây đứng chờ anh.

Lê đi, mãi đến xế chiều mới trở về. Ngọc-Loan ở nhà, ra đứng cửa hai, ba lần. Không thấy Lê, nàng lên gác ngồi đọc lại các lá thư của chàng gửi cho nàng. Lê đi qua nhà Ngọc-Loan. Không thấy nàng, chàng mỉm cười, đạp xe thẳng tới cửa nhà chàng, trong bụng nghĩ: "Hình ảnh và tình yêu của mình chưa "hết", nên nàng chưa ra đứng cửa!"

Chàng về nhà với niềm vui lớn trong lòng, vì chàng mới đi xem kết quả thi Tú-Tài một khóa một, và thấy có tên mình trong danh sách. Cô Tín mang mấy món ăn làm sẵn về, bày trên mâm, để lên chiếc *divan* gần bàn học của Lê. Cô nói:

- Anh Lê có đói thì chịu khó ăn trước một mình nhé. Tôi phải đi lên chợ Bến-Thành giao hoa ngay. Còn hai em đã có bà người làm lo rồi.

Có tiếng gõ vào hàng rào ngoài cửa. Cô Tín nhanh chân ra mở.

- Bà ạ. Thưa bà, anh Lê có nhà không ạ? Cháu là Mai, bạn anh Lê. Cháu thấy bà đi lễ ở Đòng Chúa Cứu-Thế.

- Không dám, chào chị Mai. Chị cũng đi lễ Đòng Chúa Cứu-Thế đấy à? Vậy là nước cùng một lọ rồi. Mời chị vào.

Mai đi tới cạnh bàn học của Lê. Cô Tín lại nói:

- Nhân tiện mời chị Mai ở nhà dùng cơm với anh Lê cho vui. Tôi phải đi đằng này.

Cô Tín với tay bật đèn cho sáng, rồi vội vã vào nhà trong mặc áo dài, xách giỏ, đi ra bằng lối sau. Lê và Mai ngồi hai đầu *divan* ăn cơm. Mai so đĩa, xới cơm vào bát, đưa cho Lê, rồi xới một bát để trước mặt nàng. Lê cầm đĩa gắp một miếng gan đưa lên miệng. Mai lẩm nhẩm đọc kinh, làm dấu, rồi mới bắt đầu ăn. Hai người yên lặng ngồi ăn với nhau. Một lúc sau, Mai gợi chuyện trước:

- Chắc anh ngạc nhiên, vì Mai trở lại nhà anh lần thứ nhì trong ngày hôm nay?

Lê ngừng ăn, trả lời:

- Có gì lạ đâu mà anh phải ngạc nhiên. Hồi ở Hoà-Hưng cũng vậy. Nhưng, Mai trở lại chắc là có việc quan trọng.

Mai cười khanh khách, không trả lời ngay. Nàng gắp một miếng dôi, chấm mắm tôm, đưa lên miệng nhai. Xong, nàng từ từ nói:

- Mai ghé qua nhà con Linh, em anh Phong. Ở đó Mai hân hạnh được biết tin anh mới đậu Tú-Tài một. Mai trở lại đây, để hỏi tại sao anh không cho Mai biết tin đó sáng hôm nay. Kết quả được niềm yết từ hôm qua mà.

Lê nhẹ nhàng nói:

- Họ công bố kết quả sớm hơn dự định. Mãi trưa nay anh mới được đọc danh sách các thí sinh đậu.

Mai im lặng một lúc. Nàng chỉ ăn hết một bát cơm, rồi ngừng lại. Nàng cầm chiếc khăn ướt để sẵn trong mâm lên lau miệng. Đợi chàng ăn xong, Mai nói giọng chầm biếm:

- Anh thi đậu Tú-Tài một, chắc cả họ ăn mừng!

Lê chầm thuốc lá, hút vài hơi, thản nhiên đáp:

- Từ thuở bé đến giờ, anh thấy họ hàng của anh chỉ ăn mừng, mỗi khi có người tốt nghiệp Đại học mà thôi.

Mai cúi đầu một lúc, rồi ngừng lên nhìn Lê bằng ánh mắt dịu đi. Nàng cười mỉm, cất giọng khe khẽ:

- Dù sao, Mai cũng mừng cho anh. Bây giờ tối rồi, Mai phải về.

Lê sang nhà Ngọc-Loan, thấy nàng khoanh tay, đứng trong bóng tối của hàng ba. Chàng bước lại gần. Ngọc-Loan mừng rỡ, đi nhanh ra đón chàng, giọng nàng dịu dàng tươi mát:

- Anh dẫn em đi dạo một chốc, nhé anh. Trong nhà nực lắm.

Lê và Ngọc-Loan đi cạnh nhau qua sân cư xá, ra ngoài cổng, rẽ bên phải để đi lên phía cầu Mac-Mahon. Hai người bước chậm chạp trên lề đường, có gió mát hây hây. Thỉnh thoảng họ dừng chân, quay nhìn nhau đắm đuối. Họ truyền cho nhau những tia ấm áp của tình yêu, rồi lại bước đi. Họ không nói nhiều với nhau, nhưng trong lòng chứa chan tình ý, với niềm cảm thông vô cùng mạnh mẽ. Ngọc-Loan chợt nói:

- Đêm nay, anh nhớ viết thư cho em, anh nhé.

Lê đáp lại ngay:

- Đêm nào, anh cũng phải đọc thư của em, viết thư cho em, xong mới ngủ được.

Nghe vậy, Ngọc-Loan nắm chặt tay Lê hơn, như để cảm ơn người tình muôn thuở. Nàng cảm thấy yêu thương dào dạt trong lòng. Nàng giữ lấy cảm tưởng ấy, cho đến khi về nhà. Với hồn xác ngây dại, nàng vội vàng lên gác, lấy giấy bút, say sưa để lòng mình trải đầy các trang giấy trắng. Nàng chỉ ngừng viết khi cơn ngủ làm rối loạn bàn tay. Để lá thư xuống dưới gối, Ngọc-Loan thiếp đi lúc nào không biết...

...Ngoài giờ đi học cũng như trong các ngày nghỉ, Lê và Ngọc-Loan thường rủ nhau dạo phố, đi ăn các món Tàu trong

Chợ-Lớn, phở trên đường Hiền-Vương, kem ở các đường Nguyễn-Huệ, Tự-Do, Lê-Lợi...

Sau lần gặp nhau vừa qua, tự nhiên Mai rất ít đến thăm Lê. Riêng chàng cũng không muốn Mai đến nữa, nên mừng thầm. Nhưng nỗi mừng đó không bền, vì Mai bỗng xuất hiện vào một buổi trưa trước lễ Giáng sinh.

Sắc diện nàng rất kỳ lạ, như một người mới khám phá ra bí mật gì đó, hoặc đang theo đuổi một âm mưu ghê gớm nào. Nàng nói trong hơi thở ngắt quãng, có lẽ vì xúc động do những tính toán "trình thám" trong đầu:

- Năm nay, anh phải thu xếp, đưa Mai đi lễ nửa đêm Nô-en nhé.

Lê lắc đầu nói:

- Anh có bao giờ đi lễ nửa đêm với Mai đâu. Sao năm nay Mai lại bắt anh phải thu xếp như vậy? Những năm trước ai đưa Mai đi? Đáng lẽ Mai phải hẹn thật xa, để anh chuẩn bị. Bây giờ sát ngày quá. Anh đã hứa với bạn của anh rồi. Thôi để dịp khác.

Mai nhún vai, bĩu môi, nói giọng hơi rít lên:

- Mai thử anh thế thôi. Anh kẹt đến như vậy, ai mà ép anh được. Dù sao, sau này, anh sẽ không trách là Mai chẳng bao giờ đòi anh đưa đi chơi cả. Thật ra, Mai đủ sức và trí khôn, để đi đây, đi đó, mà không nhờ đến ai.

Mai ra ngoài cửa, chợt quay lại, bảo Lê:

- Anh muốn hẹn thật xa, thì Mai cũng chiều anh. Tối ba mươi Tết năm nay, để kỷ niệm ngày "yêu nhau", anh và Mai đi chơi chợ hoa nhé. Gần đến ngày đó, mình sẽ cho nhau biết giờ. Nói trước để anh kịp chuẩn bị.

Mai về rồi, Lê vừa bắn khoăn, vừa bực mình. Ngày ba mươi Tết mà không đi chơi với Ngọc-Loan sao được! Nàng sẽ

buồn lắm. Không hiểu vô tình hay cố ý Mai coi Lê như trò chơi. Văng bóng cả tháng, rồi bỗng trở lại, đòi cái này cái kia! Lê thấy cần phải cứng rắn với Mai lần này. Chàng sẽ kiếm cách làm cho cô gái này giận, không đến nữa. Thế là trước ngày ba mươi Tết Mậu-Tuất, Mai nhận được lá thư ngắn của Lê:

Mai mến,

Tối ba mươi Tết này, anh không thể nào đi chơi chợ hoa với Mai được, vì bận chuyện gia đình. Anh thành thật xin lỗi. Lê.

Mai vò nát tờ giấy, cười nhạt, nói một mình:

- Người không cần ta, thì ta cũng chẳng cần người.

Lấy cố này, Mai bỏ hẳn, không tới nhà Lê nữa, mà cũng chẳng viết thư cho chàng. Nàng dành hết thời giờ có được, để săn đón, tấn công tối đa Tuệ, anh trai của Lam bạn nàng và là sinh viên y khoa. Mẹ và gia đình Mai luôn luôn muốn Mai bỏ Lê, làm thân với Tuệ để lấy Tuệ cho bằng được, vì người con trai này có nhiều tương lai hơn. Có những lần, lợi dụng nhà Tuệ vắng người, Mai đóng cửa, ở trong phòng với chàng cả nửa ngày. Có chút tiền dành dụm, nàng may áo dài, uốn tóc, mua quà mang đến cho Tuệ. Tất cả những hành động này đều bị bà người làm ghi nhận, báo cáo cho bố mẹ của Tuệ biết kịp thời. Lập tức, mẹ của Tuệ gọi chàng, chất vấn nặng nề:

- Anh còn ăn học, sao để cho ái tình vướng vít như thế? Con bé này hoàn toàn không xứng đáng với anh. Cả nhà ta đều không có cảm tình với nó. Theo con Lam nói, thì trong trường học cũng chẳng ai thương nổi nó. Hơn nữa, gia đình nó không tốt đẹp gì đâu. Nhà nó nghèo mạt; anh trai nó bị ho lao. Anh liệu mà tránh xa nó ra, cho khỏi mang họa về sau. Bằng không, cậu mợ sẽ buồn khổ khi còn sống, mà chết đi không nhắm mắt được, nếu thấy rằng

ngày nay anh trái lời cậu mợ, thì ngày sau anh sẽ khốn khổ vì con bé này!

Tuệ vừa kinh ngạc, vừa bực mình. Chàng suy nghĩ, rồi ôn tồn thưa với mẹ:

- Con tuyệt đối không có chút tình cảm nào với cô Mai cả. Cậu mợ cứ bảo em Lam và u già đừng cho cô ta vào nhà mình nữa là hết.

Bà mẹ của Tuệ liền gọi Lam và bà người làm lên căn dặn:

- Lam phải bắt giao du với cô Mai đi. Chỉ chào hỏi xã giao ngoài đường mà thôi. U già cứ tự ý không cho cô ta bước chân vào nhà này. Nói tử tế không xong, thì nói xằng! Nhất quyết không để cho cậu Tuệ gặp cô ta. Lam và u già nghe rõ chưa?

Sau gần bốn tháng đeo đuổi Tuệ, Mai trở về với con số không. Nàng không khóc, không giận, mà chỉ lo lắng cho cuộc đời mình. Mai nằm một chỗ trong ba ngày, không ăn, không ngủ, mặt mũi xanh xao, hốc hác. Mẹ nàng thắc mắc hỏi. Nàng bèn nói một cách quả quyết với cả nhà:

- Con không thể lấy một người chồng với mục đích hưởng giàu sang, phú quý của người đó được. Mợ và cả nhà hãy để con tự ý tìm người con yêu thương, để chọn làm chồng. Còn sự giàu sang, con sẽ tạo lấy bằng hai bàn tay và trí óc của chính con. Nếu không được như vậy, sinh mạng của con không chừng sẽ vì thế mà bị hủy hoại. Mợ và cả nhà sẽ chịu trách nhiệm!

Mẹ và cả nhà Mai đành phải lùi bước, để cho Mai muốn làm gì thì làm. Mai nghỉ ngơi, bồi bổ một tuần cho lại người. Nàng chọn một buổi sáng đẹp trời, sửa soạn thật kỹ lưỡng ý tưởng cũng như nhan sắc, rồi đạp xe đến nhà Lê.

Trong bốn tháng không có Mai đến quấy rầy, Lê sống trong tình yêu nồng cháy của chàng với Ngọc-Loan, và sự săn sóc chu đáo của nàng. Chàng mua dụng cụ

về tập thể dục hàng ngày, ăn ngủ, học hành điều độ. Thân thể chàng vạm vỡ, má hồng, môi đỏ, cặp mắt long lanh, tiếng nói mạnh mẽ. Một cuộc sống mới đến với chàng.

Mai đến nhà Lê. Nàng thấy Lê hồng hào, vạm vỡ, bèn cười thật tươi, chạy tới sát gần nhìn chàng say đắm. Bất thành lời, Mai ôm choàng lấy cổ Lê, hôn hít lên má, lên môi chàng. Lê mất thăng bằng, ngồi xuống *divan*. Mai liền đóng cửa, sà vào lòng Lê, hai tay ôm chặt lấy chàng, hôn hít tiếp. Có tiếng đẩy cửa. Lê nhìn ra, thấy Tài, em trai của Ngọc-Loan, thò đầu vào, rồi thụt ra ngay. Lê toát mồ hôi, đẩy nhẹ cho Mai đứng xuống đất. Nhưng nàng còn tiếc rẻ, đứng thật sát vào người Lê. Cười nói ríu rít một lúc, Mai đòi về. Lê vừa đóng cửa hàng ba, thì Tài chạy qua, gọi:

- Anh Lê, có thư của chị Ngọc-Loan đây này!

Lê cầm mảnh giấy học trò gấp tư, mở ra đọc:

Anh Lê của em

Tài về mách em là nó thấy anh bé cô nào trong lòng. Có phải như vậy không? Anh nói thật đi. Ngọc-Loan.

Lê nhìn lá thư, ngẩn mặt suy nghĩ. Chàng thấy trong lòng hết sức bối rối, ân hận, xấu hổ. Chàng không biết phải ăn nói với Ngọc-Loan như thế nào. Chàng ân hận, vì đã vô ý để câu chuyện tình tay ba vỡ lở. Không soi gương, mà chàng biết là mặt mình đỏ lấm. Chàng chưa bao giờ thấy xấu hổ như lúc này! Thiên đàng tình ái của Lê và Ngọc-Loan, phút chốc đã bị tì vết. Lê sắp trở thành một tội nhân, đứng thú tội trước mặt Ngọc-Loan. Nghĩ tới đây, Lê đâm lo lắng. Chàng có thể mất Ngọc-Loan, một người yêu muôn thuở. Chàng thấy con người của chàng nhỏ bé dần đi. Con thuyền tình của Lê và Ngọc-Loan đang đi vào cơn bão tố. Phải làm sao để cứu lấy nó?! Trong cơn bối rối, thảng thốt, Lê làm một hành động khá hèn nhát. Chàng

viết nguệch ngoạc mấy chữ, nhờ cháu gái của cô Tín mang sang cho Ngọc-Loan:

Ngọc-Loan của anh,

Nhận được thư của em, anh ngạc nhiên lắm. Có lẽ Tài nhìn nhầm. Ngồi trên lòng anh lúc nãy là thằng Đức con của cô Tín đấy mà. Đừng nghi ngờ anh, em nhé. Chốc nữa, anh sẽ sang em. Lê.

Mười lăm phút sau, cháu gái của cô Tín mang về cho Lê một mảnh giấy:

Anh Lê của em,

Lần đầu tiên, em xin phép không tin anh. Người ngồi trên lòng anh không phải là Đức gì cả, mà là một người con gái. Như vậy là đủ rồi. Anh khỏi phải bào chữa gì nữa. Ngọc-Loan.

Nhận được thư này, Lê xấu hổ quá. Lê thấy danh dự của chàng bị tổn thương rất nặng nề. Cảm tưởng nhục nhã này, đưa chàng tới một ý nghĩ khá điên rồ: Bỏ cả hai người, đi ở chỗ khác. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ một lúc lâu, Lê thấy làm như vậy là vô lý. Có nhiều người yêu không phải là một tội ác. Bây giờ, điều quan trọng là làm sao để biết mình yêu ai nhất, và tình yêu đó có đích thực hay không. Với Mai, hạnh phúc không đến với chàng trong sự bằng yên. Tình yêu của nàng với Lê đã mai một từ lâu. Hành động sôi nổi của Mai ngày hôm nay không thoát thai từ một tình yêu chân thành. Trong khi đó, Lê nhận thấy mình đã bị Mai tống tình bất ngờ. Em trai của Ngọc-Loan lại bắt quả tang chuyện này. Ngọc-Loan có vẻ khinh thường chàng.

Hoàn toàn bối rối, Lê viết cho Ngọc-Loan một lá thư tuyệt tình, trong đó có đoạn:

"... Anh với Mai yêu nhau lâu rồi, không thể bỏ ngay được. Xin Ngọc-Loan thông cảm cho, và mình vĩnh biệt nhau từ giờ phút này..."

Chàng cắt một lọn tóc trên đầu, kẹp trong lá thư. Chàng cho tất cả vào bao thư dán kín, nhờ cháu gái của cô Tín đưa cho

Ngọc-Loan. Nhận được thư của Lê, mở ra đọc, Ngọc-Loan chết lặng. Nàng để lại lá thư và lọn tóc vào phong bì, xuống bếp nói với mẹ:

- Hôm nay, con không khoẻ. Con đi nằm ngay, và không ăn cơm tối.

Mẹ của Ngọc-Loan tưởng thật, nói:

- Để mẹ bảo người làm nấu nồi cháo thịt bò. Khi nào con đói bụng, thì xuống lấy ăn.

- Vâng ạ. Bất cứ ai hỏi, mẹ bảo con không có nhà.

Ngọc-Loan lên gác, nằm trên giường, vừa đọc lại lá thư, vừa khóc một mình. Nàng không ngờ rằng Mai, một bạn gái quen ở Nhà Thờ, lại có thể là người tình của Lê bấy lâu nay. Nàng không giận Lê, mà chỉ trách mình đã tự nhiên chạy theo tình yêu này, bỏ sau lưng hết mọi sự, để bây giờ chết cả tâm hồn. Làm sao Ngọc-Loan còn yêu ai được nữa. Biết bao giờ nàng quên được chàng ? Nàng suy nghĩ, tìm cách hoà giải với Lê. Nhưng khi đọc lại lá thư tuyệt tình cùng nhìn lọn tóc, Ngọc-Loan thấy rằng nàng không thể nào trở lại với Lê được. Như vậy, nàng phải tìm quên, bằng cách rời khỏi chỗ này một thời gian. Sau đó, nàng sẽ đến gặp Cha linh hướng ở Dòng Chúa Cứu-Thế, xin Người giúp cho nàng đi tu. Việc lấy người khác cho có chồng rất dễ đối với nàng. Tuy tâm hồn đã trao đi mất, nàng vẫn giữ được nguyên trinh tiết. Nhưng Ngọc-Loan đã bắt đầu thù ghét đàn ông, con trai. Nghĩ vậy, nàng xuống nhà, rửa mặt, rồi nói với mẹ:

- Ngày mai, con xin phép mẹ, con đi ra Phan-Thiết thăm cậu mợ Hữu. Cậu mợ viết thư mời con ra chơi.

Mẹ của Ngọc-Loan hơi ngạc nhiên, hỏi:

- Thế anh Lê có bằng lòng cho con đi không? Con đi bao lâu?

- Con sẽ nói với anh ấy. Con đi độ hai tuần. Bây giờ con lên bến xe chờ giờ và giá vé, mẹ nhé.

Ngọc-Loan quyết định giấu mẹ, các anh, và các em gái việc Lê có người tình là bạn của nàng, đồng thời dặn Tài không được cho bất cứ ai biết chuyện này.

Sau khi gửi thư kèm theo lọn tóc cho Ngọc-Loan, Lê ngồi chờ người ra. Đầu óc chàng trống rỗng. Buổi tối, chàng ăn cơm qua loa, rồi pha một ly *café* thật đặc, ngồi nhâm nhi với thuốc lá. Đêm về khuya, chàng đã mở bao thuốc lá thứ ba, mà chưa thấy buồn ngủ. Mắt chàng nhìn đăm đăm vào tấm ảnh của Ngọc-Loan, đứng tựa cửa khoanh tay, miệng hé nụ cười ngây thơ, hiền hậu.

Hút hết bao thứ ba, chàng nhìn đồng hồ, thấy hơn hai giờ sáng. Trời nóng nực, chàng vận nút cho chạy chiếc quạt máy cũ để gần đầu giường, rồi bỏ màn, tắt đèn, đi nằm. Chàng thao thức, chập chờn. Quạt máy quay đều đều. Lúc đầu, tiếng gió quạt rì rào, khi mạnh khi yếu, nghe như tiếng thở của một người đang trong cơn sốt nóng. Dần dần, từ tiếng quạt máy đó phát ra một giọng nói đau đớn, oán hờn. Chàng định thần, lắng nghe, vì cho là mình mê ngủ. Nhưng, giọng nói đầy trách móc quện trong tiếng quạt xoáy mãi vào lỗ tai của Lê. Chàng nghe rõ ràng tiếng Ngọc-Loan :

- Anh Lê ơi ! Sao anh lại bỏ em !...Sao anh lại bỏ em !...Anh Lê ơi !...

Tám chữ đó cứ lập đi lập lại, ngấm sâu vào từng mạch máu, thớ thịt, của Lê. Tờ mờ sáng, cô Tín dậy sớm, tắt quạt. Lê không bị âm thanh ray rứt của chiếc quạt máy hành hạ nữa. Nhưng lời ai oán kia đã nhập vào tiềm thức sâu thẳm của tâm hồn Lê. Chàng thấy rõ tất cả những kỷ niệm yêu đương cuộn cuộn trải ra trong tâm trí. Điệu nhạc du dương của kỷ niệm hoà trộn với giọng nói hiền dịu đầy oán trách kia

như quán lấy tâm hồn Lê. Chàng cảm thấy mình bênh bồng trôi nổi trong đám mây trắng đục. Chàng ngủ thiếp đi.

- Anh Lê ! Anh Lê ! Có thư đây này.

Tiếng gọi thánh thót bên tai làm Lê tỉnh dậy. Mở mắt ra, Lê thấy cháu gái của cô Tín đưa một mảnh giấy qua gấu màn vào trước mắt Lê. Cầm lên xem qua, chàng vội ngồi nhồm dậy. Chàng giụi mắt, đọc lại lá thư nhỏ, với những nét chữ quen thuộc :

Anh Lê,

Ngọc-Loan muốn gặp anh tối nay, lúc bảy giờ, ở bên kia cầu Mac-Mahon, để nói với anh chuyện cần.

Một bạn gái cũ.

Buổi tối, Ngọc-Loan mặc quần tây trắng, áo *chemisier* xanh lá cây cụt tay, vai bồng, trên ngực có thêu những bông hoa tím nhạt lẫn trong cành lá xanh đậm, chân đi giày cao gót trắng xanh, tay cầm khăn *mouchoir* hồng. Nàng xin phép mẹ đi dạo với Lê. Mỗi bước chân đi của nàng như giẫm trên đám sỏi đá của một con dốc dài vô tận. Nàng cần phải gặp Lê, cho chàng biết nàng sắp đi xa. Âu cũng là cố gắng cuối cùng của Đoạn Đường Thánh Giá mà Ngọc-Loan phải gánh chịu, phải vượt qua. Ngọc-Loan không thể lảng lạng biến đi, không cho Lê biết. Nàng sẽ chẳng bao giờ bình yên trong tâm hồn. Đây là lần gặp mặt cuối cùng, đánh dấu cho sự biệt ly muôn kiếp giữa hai người. Nàng không khóc, vì đã khóc nhiều rồi. Chúa và Đức-Mẹ Maria ban cho nàng đủ nghị lực, can đảm, để vượt qua đoạn đường khổ ải này!

Từ xa, Ngọc-Loan thấy Lê đang đứng chờ nàng, vẫn trong bộ quần áo trắng, với mái tóc bồng bênh. Lòng Ngọc-Loan chợt xót xa, đau quặn. Nhưng, nàng vẫn can đảm tiến đến gặp lần chót người yêu sắp mất. Tối gần, nàng thấy Lê nhìn nàng âu yếm, hé miệng cười. Ngọc-Loan chưa kịp

cất tiếng, Lê đã ghé sát vào mặt nàng, hết sức dịu dàng nói:

- Anh tha thiết xin lỗi em, vì anh đã làm em buồn khổ trong cả một ngày qua. Thôi, mình hãy bỏ chuyện cũ đi. Anh chỉ yêu em, và xin hứa yêu em mãi mãi. Đưa tay cho anh dắt, đi em. Anh quyết định bỏ Mai rồi...



...Vào một ngày cuối năm Nhâm-Ngo trên đất Mỹ, Mai nhận được bao thư, từ Pháp gửi qua. Mở ra, nàng thấy một tờ giấy vàng trên có một bài thơ in bằng máy điện tử:

Lời cuối, đầu Đông

*Heo may ớn lạnh tê mê,
Bầy chim ngơ ngác lượn về chốn nao !
Rừng Mai trụi lá mốc hao,
Sương mù hoang lạnh sa vào thân cây.*

*Dòng thơ tôi thảo nơi đây,
Gửi đi lời cuối khô gầy đầu Đông,
Cho ai lạc cõi hư không,
Đang xây mộng tưởng từ trong vũng lầy:*

*Thôi đừng vãi mộng trên mây,
Theo đuôi thuyền đã chắt đầy yêu thương.
Hôm, mai, đừng hứng lệ sương,
Vấy lên tình cũ khi hương hết nồng !*

*Hãy dâng hoa nén mộ chồng
Cùng năm con, của tình nồng sống qua;
Nguồn thơ trắng gió bướm hoa
Không che giấu được phong ba cõi lòng!*

*Trời cao công chính vô song,
Đường về "Quê Thật" ước mong bao người,
"Điều Răn Thứ Chín", ai ơi!
Chớ nên phạm phải, muôn đời khổ đau!*

*Linh hồn sẽ bị nát nhàu
Lửa thiêu cháy mãi một màu đỏ hung !*

*Đời ai dù có lạnh lùng,
Điều Răn giữ được, sẽ chung Thiên Đàng...*

Cuối bài thơ có ghi hai chữ "Ngô-Lê". Đó là tên hiệu người tình đầu tiên thuở thiếu thời của Mai. Người tình mà nàng đã đánh mất sau gần hai năm làm người yêu lạnh lẽo. Người tình mà nàng tìm lại được sau gần bốn chục năm xa cách. Không gặp mặt nhưng lại biết rõ chàng ở đâu, Mai đã mang hết tâm hồn vẽ nên chân dung người tình ấy bằng biết bao dòng thơ trữ tình trong suốt mười năm nay. Làm như vậy, Mai hy vọng sẽ xen vào được cuộc sống tình cảm của gia đình người ấy, một mặt hứng được chút tình rơi, một mặt lấp cho đầy quãng đời cuối trống trải vô vị. Bây giờ, ước muốn cuồng dại đó đã bị chính những dòng thơ nghiêm khắc của người tình cũ làm đông cứng lại.

Đôi mắt nâu của Mai đỏ ngầu lên. Đôi môi khô lạnh của goá phụ tuổi đã ngoài sáu mươi, con cháu đầy đàn, từ từ mím chặt lại. Hai dòng lệ hiếm hoi tràn ra khỏi vành mi. Mai ôm mặt khóc sục sùi, không phải vì tủi nhục mà vì thương tiếc cho cuộc đời hoàn toàn vô vị của mình. Kể từ giờ phút này, Mai biết chắc nàng sẽ mất đi cả một nguồn thơ từng có được nhờ cuộc tình hoang tưởng, để cúi đầu đi vào mảnh vườn đời hoang vắng chứa đựng toàn những cành Hoa Sứ cô đơn, tượng trưng cho một trời bẽ bàng vô duyên trong đó nàng phải kéo lê thế cuộc sống cho đến ngày xuôi tay nhắm mắt,...

BÌNH HUYÊN

(Paris, Mùa Thu 2008)

DẤU XUA LỊCH SỬ

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Ngày 10 tháng 12, năm 2004 -
Hôm nay là ngày cuối cùng của chúng tôi tại Hà Nội, trong chuyến về thăm quê hương vào tháng 12, 2004. Nhưng chúng tôi không chịu ở yên trong thành phố. Còn hai địa điểm nữa chúng tôi muốn thăm viếng. Đó là Phát Diệm và Nam Định.

Chúng tôi lại phải nhổm dậy sớm, bảy giờ đã ra xe. Chỉ có vợ chồng Phước, Hà, hai ông em họ Diễm, Nhiên và tôi cùng tài xế là sáu mạng ra đi khi trời vừa sáng. Đàn ông nghiện phở nên xe vẫn ngừng lại ở một tiệm phở. Mỗi ông một tô to tổ chẳng và một ly cà phê sữa đặc quán mới tỉnh táo. Hà và tôi ngán phở đến mang tai và không ăn quá sớm được nên mỗi đứa đã thử một miếng bánh mì, một trái chuối và một ly cà phê từ khách sạn cho nhẹ bụng. Thấy các bà không ăn quý vị liền ông cũng ăn nhanh hơn để khởi hành chóng.

Chúng tôi được tài xế chỉ cho biết khi xe qua Nhà Ga Hà Nội. Trước năm 1954 người ta thường gọi là Ga Hàng Cỏ. Thuở đó tôi không có dịp nào vào nhà ga này. Chợt nhớ tới nhà cô bạn học Trưng Vương, Lệ Dung ở xế cửa ga, tôi nhìn qua đường bên kia, nhưng

chẳng nhận được nhà căn nhà nào là nhà cũ của cô bạn.

Đường phố tràn đầy xe hai bánh gắn máy và xe vận tải. Khói tuôn bay như sương mù. Tài xế Tuấn bóp còi luôn tay. Xe qua trạm “mãi lộ” Trung Hà là ra khỏi thành phố. Nhà cửa thưa thớt dần. Đường cái gần như chạy song song với đường xe lửa. Đồng ruộng bằng phẳng. Thỉnh thoảng nổi lên những gò đồi thấp ở xa xa. Một hình tượng hai tầng đá cao ngất ngưỡng chồng lên nhau, hiện ra trên nền trời sáng chói phương đông. Hình tượng không giống hòn vọng phu, mà giống một người nam, hòn vọng thê (?), đang hướng về phía bình minh mặt trời mọc. Hai tầng đá cheo leo đó có thể đổ xuống bất cứ lúc nào. Ấy vậy mà dân chúng vẫn ở xung quanh phía dưới, chẳng sợ gì cả, tài xế của chúng tôi nói vậy.

Những bản nhạc tiền chiến như *Nương Chiều, Làng Tôi, Bến Xuân, Đồi Tím Hoa Sim, Đồi Mắt Người Sơn Tây...* được phát thanh trong xe. Tôi để tâm hồn bay về dĩ vãng của những vị trí thức đi theo kháng chiến bằng lời ca tiếng đàn sáng tác cho



Cụ Nguyễn Công Trứ

nhau nghe. Những vị nào tuy có súng phòng thân, nhưng không trước thì sau, cũng bị thủ tiêu hay trốn về Hà Nội hoặc lưu lạc sang Tàu, Singapore... Đồng quê còn lại là của các anh chị nông dân chẳng bao giờ cất tiếng hát những bài ca cải cách theo nhạc lý Tây Phương. Trái lại các anh chị đó rất cả nghe các ông “vẹt”. Nên mới xảy ra tai biến Hiệp định Geneva chia đôi đất nước. Thế mới buồn!...

Xe đi qua Hà Nam, Phủ Lý, Ninh Bình. Một cái bảng có chữ Kim Sơn hiện ra. Địa danh này thường đi liền hai tiếng Tiên Hải trong trí óc tôi. Thêm vào đó, những con sông đào, kinh lạch nối tiếp nhau hai bên đường xe chạy, khiến tôi nhớ tới một bài giảng của Giáo Sư Trưng Vương Vũ Thị Ninh thì phải, về Ông Nguyễn Công Trứ (1778- 1859). Ông sinh tại Huyện Quỳnh Côi, Tỉnh Thái Bình, cũng là nơi sinh của Nhà Văn Văn Quang hơn thế kỷ rưỡi sau này!

Ông Nguyễn Công Trứ không những là một nhà thơ tài tình, ông còn là một nhà võ đẹp loạn dữ Phan Bá Vành. Khi ông được giữ chức Dinh Điền Sứ tại hai miền duyên hải Nam Định, Pháp Diệm (1828, thời Vua Minh Mạng), ông đã chỉ dẫn cho dân đào kinh, đào rạch, dẫn thủy nhập điền, khai khẩn miền đất hoang này và lập ra hai huyện Kim Sơn, Tiên Hải. Đê được đắp dọc theo bờ biển. Khi thủy triều lên, đê được đóng lại để ngăn nước biển mặn tràn vào đồng bằng. Khi thủy triều xuống cửa đê được mở ra để nước mặn theo thủy triều đổ ra biển, lọc muối trong ruộng thì mới trồng tọt được. Ông Nguyễn Công Trứ còn chỉ

cho dân đào kinh rạch dọc ngang trong vùng, dẫn phù sa từ Sông Thái Bình vào các làng thôn xóm, lấy nước trồng hoa màu và làm đường thủy giao thông từ nơi này sang nơi khác.

Tên tỉnh Pháp Diệm cũng do Nguyễn Công Trứ đặt ra. Pháp diệm có nghĩa là phát sinh ra cái đẹp. Tôi thầm vui trong lòng đã tìm được vết chân người xưa mà tôi từng bái phục từ thuở trung học. Ông không những có tài kinh bang tế thế, dù gặp nhiều thăng trầm lên trời xuống đất, văn thơ của ông rất tài tình. Nguyễn Công Trứ có cả trăm bài thơ nổi tiếng để lại cho đời. Học trò Trung Học nào mà không biết đến bài:

Cây Thông,

Ngồi buồn mà trách ông xanh

Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười

Kiếp sau xin chớ làm người

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo

Giữa trời vách đá cheo leo

Ai mà chịu rét thời trèo với thông.

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Cô nữ sinh Nguyễn Thị Ngọc Dung thuở đó nhan sắc, sức học, gia thế chỉ thường thường bậc trung. Vậy mà cái thói kiêu căng ngâm đã nổi lên trong đầu óc từ những bài thơ ngông ngạo của Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ ... được học trong lớp hay tự tìm đọc thêm. Nàng rất khoái bài thơ Đường luật của Cụ Trứ sau đây vì tư tưởng lẩn tránh, khinh bạc đời:

Thú Ẩn Dật

Chẳng lợi danh chi lại hóa hay!

Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy,
Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,
Trong thú yên hà mặt tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vẽn râu bàn những chuyện xưa nay.
Cửa trời trắng gió kho vô tận,
Cầm hạc tiêu dao đất nước này.

NGUYỄN CÔNG TRÚ

Xe chúng tôi theo vết chân ngựa của Dinh Điền Sứ hai thế kỷ trước và tới Phát Diệm. Trời đang mùa đông Miền Bắc mát mẻ, cây cối không có hoa, nhưng vẫn xanh tươi hai bên đường dọc theo những con kinh đào. Tôi nhận ra những cây cau cao gầy thanh nhã, tàn lá xòe ra như cây dù tiểu thư che mưa nắng và những cây phượng lá nhỏ xinh xinh. Cây hoa gạo thân cành cường tráng, khỏe mạnh, mùa hạ nở hoa lớn như cái bát và đỏ như “máu trở về tim”, những hình ảnh quê hương trong thời tôi niên thiếu.

Một quãng ngắn qua một cây cầu gỗ có mái bắc qua dòng kinh, chúng tôi đến Nhà Thờ Phát Diệm. Trước nhà thờ là cái hồ lớn được lát xi-măng xung quanh bờ. Giữa hồ có cù lao nhỏ với tượng Đức Chúa Giê-Su. Mùa đông ấm áp nên hoa súng vẫn nở đầy như trong tranh *impressionist* của Claude Monet (France 1840-1926).

Nhà Thờ Phát Diệm còn gọi là nhà thờ đá vì những bức tường được xây toàn bằng đá, mái không cao nhọn như các nhà thờ

Thiên Chúa khác, như Nhà Thờ Lớn Hà Nội, Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn, Nôtre Dame de Paris. Tôi chưa bao giờ trông thấy nhà thờ nào như Nhà Thờ Phát Diệm, có mái ngói đỏ, góc cạnh uốn cong. Nếu không có cây thánh giá thì nhà thờ giống như một ngôi chùa. Phần Phương Đình đằng trước nhà thờ, cao ba tầng. Tầng dưới đất có tượng Đức Chúa Giêsu bằng đá được đặt trên một bệ đá khối lớn. Tầng hai treo cái trống lớn. Tầng ba treo quả chuông nặng gần 2000 kí, được đúc vào năm 1850. Một tiếng chuông vang lên, cả ba tỉnh xung quanh đều nghe thấy.



Bên trong nhà thờ được dựng kiên cố bằng những cây cột gỗ lim cao lớn, trạm trổ tinh vi, sơn son thếp vàng rất trắng lệt, uy nghiêm. Chúng tôi yên lặng chậm rãi đi lên gần điện thờ.

Hai hàng ghế gỗ dài, đen bóng, hai bên không người ngồi. Tôi thầm cầu nguyện và cảm tạ Đức Chúa Trời đã cho tôi có cơ hội được viếng thăm một địa danh linh kiệt là Phát Diệm.

Ngoài sân nhà thờ, bên phải có hang Bê-lem với tượng Đức Mẹ nâng Đức Chúa Giê-Su trên lòng; bên phải có hang Đức Mẹ Lộ Đức khiến tôi liên tưởng tới hang Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp tại Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn Năm xưa. Thuở đó, tôi là kẻ ngoại đạo, nhưng tin có Chúa ở trên trời, khi gặp buồn phiền, thường đến đó cầu nguyện.

Phía trước nhà thờ Phát Diệm có Tượng Linh Mục Trần Lục với bia đề bằng ba thứ chữ Việt, Pháp, Anh: LINH MỤC PHÊ-RÔ TRẦN LỤC – CỤ SÁU – 1825 – 1899, NGƯỜI KIẾN TRÚC NHÀ THỜ PHÁT DIỆM. Phía sau nhà thờ đá có lăng Linh Mục Trần Lục. Cây cảnh được trồng tỉa mỹ thuật, chăm sóc gọn gàng. Quang cảnh xung quanh nhà thờ sạch sẽ, vắng vẻ. Tôi thăm cầu nguyện cho chồng con cháu ở nhà vô sự, cho chuyến đi của chúng tôi được bình yên, cho bạn bè, bà con nơi quê hương mọi điều may mắn, có đời sống dễ dàng...

Phước theo chúng tôi đi quanh nhà thờ, chụp hình, quay phim. Nhờ đó mà tôi có thể xem và ôn lại chuyến về Sài Gòn lần đầu tiên sau 33 năm xa cách và nhiều vùng chưa bao giờ đặt chân tới như vùng Phát Diệm này. Tuy nhiên, chúng ta đều biết Xứ Đạo Bùi Chu, Phát Diệm trong số người di cư ô ạt, đông nhất, vào Miền Nam năm 1954, để lánh

nạn Cộng Sản vô thần. Bùi Chu, Phát Diệm còn nổi tiếng về nghề làm chiếu cói và các thứ mắm tôm, mắm tép, mắm cáy... Một thời tại Sài Gòn, tôi có bà bếp người Phát Diệm và được thưởng thức thường xuyên món mắm tôm chua trộn củ cải, cà-rốt bào, ăn với rau ghém đã luôn...

Trước khi ra xe, chúng tôi dừng lại Tiệm Kim Hải trước cửa Nhà Thờ, ngắm nhìn những sản phẩm đó, nhưng chẳng mua thứ gì. Tôi có ý tìm mua, nhưng không thấy, một mảnh chiếu cói nào nhỏ như một bức tranh có thể bỏ vào *suitcase*, mang về làm kỷ niệm...

Rời Nhà Thờ của Cụ Sáu Trần Lục, chúng tôi lại đi qua đi qua cái cầu gỗ có mái bắc qua con kênh đào chảy trong Tỉnh Phát Diệm. Tài xế Tuấn đề nghị:

“Bây giờ cũng vào trưa rồi, các cô, các chú muốn đi ăn cơm cháy, trước khi qua Nam Định không?”

Khách du lịch nhao nhao lên hỏi:

“Cơm cháy là cơm gì? Cơm cháy ở đâu, có xa không?”

Điểm trả lời:

“Cơm cháy đặc biệt, ngon lắm, ở Ninh Bình trên đường đi Nam Định, cách đây độ nửa giờ thôi. Các anh chị ăn rồi sẽ biết. Bảo đảm hài lòng.” Thấy Điểm có vẻ đồng ý đi ăn

cơm cháy, Nhiên thì yên lặng, chẳng bao giờ có ý kiến, chúng tôi cũng “OK”. Tôi nhớ đến món cơm cháy gia đình hồi chúng tôi còn ở nhà với bố mẹ nên ôn lại Hà với Hà và cũng để quý vị đồng hành trong xe cùng nghe cho vui. Chúng tôi không biết món cơm cháy ở Ninh Bình thế nào, nhưng món



Bia Linh Mục Trần Lục

cơm cháy của “Ông Bô” chúng tôi ngày xưa là cơm cháy “Bà Bô” làm. Mỗi lần thèm ăn cơm cháy, ông tình tứ nịnh bà, “hôm nay mẹ nó cho ăn cơm cháy nhé!” Thế là mẹ cười duyên nguýt dài bố một cái và sai người làm đi thổi cơm già lửa một chút để có cháy. Sau khi nôi cơm chín, bà bới và nạo hết cơm ra bỏ vào liễn đậy kín, giữ cho cơm nóng để ăn sau. Trong nhà lúc nào cũng có sẵn một thùng bơ to nặng cả kí-lô. Bà chét bơ thật nhiều lên trên cháy dưới đáy nôi, rồi đặt nôi lên bếp than hồng trở lại, cho đến khi cháy ròn tan. Bà này thật khéo cho cháy rời ra khỏi đáy nôi rồi đổ cháy còn nguyên miếng tròn trịa lên đĩa và mang lên bàn ăn. Ông đã ngồi sẵn đó với con dao và cái nĩa, khoan khoái hít hà mùi bơ, cắt một miếng nhỏ và nếm thử. Ông tấm tắc khen ngon, cảm ơn “mẹ nó” rồi rít. Chúng tôi đứng, ngồi chầu rìa xung quanh, đĩa nào cũng được một miếng ngon thơm phưng phức. Tuy nhiên, phải thú thực, ngon thì có ngon, nhưng hình như vì ăn vội, nhai không kỹ, cảm thấy tức ngực, tức bụng như cháy không tiêu sau khi đã ăn cả nửa ngày rồi.

Sau này, khi sang Mỹ, mọi người đều thổi cơm bằng nôi cơm điện. Một lần tôi cố tình làm cơm cháy và chét bơ, rồi cắm điện trở lại nhưng cháy cứng ngắt, không ròn, nhai mỗi răng. Có lần tôi bỏ cháy vào chảo

bơ, chiên cháy vàng ròn, ngon thật ngon. Nhưng chồng con chẳng ai *care* cái món kỳ cục này. Một mình ăn không ai thưởng thức cùng, chẳng khoái khẩu chút nào. Ăn nhiều lại sợ mập, nên lâu lắm tôi không nhớ tới món cơm cháy cho tới ngày hôm ấy tại vùng dinh điền Kim Sơn, Tiền Hải của Cụ Nguyễn Công Trứ ngày xưa.

Xe dừng lại một quán ăn bình dân bên đường, bốn bề chống chếnh, bụi đường tứ phía tự do bay vào. Chúng tôi để tài xế,



Hang Lộ Đức,
Phát Diêm.

Tuấn và Diễm kêu thức ăn. Trong khi chờ đợi, chúng tôi được xem biểu diễn màn cơm cháy tại các bàn khác. Người hầu bàn một tay hất tung miếng cháy trong nôi lên quá đầu, một tay nâng cao cái đĩa tre lót giấy và đỡ nhẹ nhàng miếng cháy

rớt xuống. Dân địa phương không để ý, nhưng khách hải ngoại thì lạ lùng, vỗ tay tán thưởng. Đến lượt bàn được tiếp thức ăn, chúng tôi sợ cháy rơi trúng đầu nên nghiêng né một bên. Nhưng chuyện đó chắc chắn không xảy ra rồi. Chúng tôi ngạc nhiên thức ăn chỉ có hai khoanh cơm cháy và hai tô canh lóng bống rau thịt, lều bều váng mỡ. Dân địa phương chan canh lên cháy ăn ngon lành. Vậy thì còn gì là chất ròn của cháy nữa, tôi nghĩ vậy. Không bắt chước họ, tôi cắn từng miếng cháy ăn riêng như ăn bánh mì. Quả thực

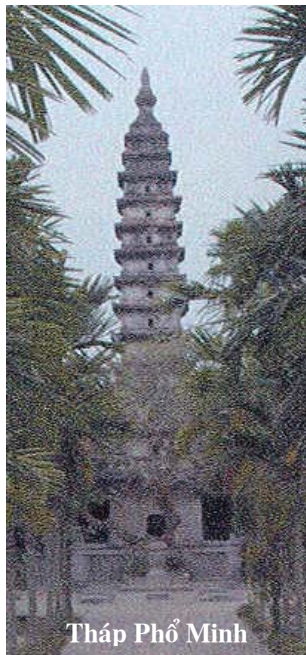
món cơm cháy Ninh Bình, tròn hơn món cháy mẹ tôi làm. Có lẽ họ bỏ cơm cháy vào chảo mỡ “deep fry”, nhưng không thơm mùi bơ bằng món cơm cháy của bố mẹ tôi. Quý vị nào có răng lung lay, hay răng rụng chưa trồng, chớ liều ăn món cơm cháy Ninh Bình nhé!

Xong bữa cơm cháy, chúng tôi lên đường đi Nam Định. Thực vậy, sáng mai chúng tôi đã phải lên máy bay trở lại Sài Gòn mà bây giờ gần 3 giờ chiều, chúng tôi vẫn còn lang thang tại nơi cách Hà Nội 90 cây số về phía Đông Nam.

Hai bên đường đồng ruộng bằng phẳng, không rừng, không núi. Hoa màu mùa đông chưa mọc, quang cảnh thật buồn nản. Nếu vùng này không có các di tích lịch sử, không lôi cuốn được khách du lịch.

Trên một quãng đường rộng, tốt, có đường xe lửa chạy song song, có nhà máy xi-măng lớn, tài xế Tuấn giới thiệu đó là đường xe lửa tốc hành, quốc lộ xuyên Việt Bắc Nam. Chúng tôi nói tới chuyện nếu làm được một chuyến du lịch bằng xe lửa tốc hành từ Ải Nam Quan xuống Mũi Cà Mau. Nhưng đó chỉ là một chuyện bàn chơi, vui miệng. Chúng tôi đều không có đủ điều kiện tinh thần, thể chất, không dám mạo hiểm trong tình trạng quê hương Việt Nam hiện tại.

Cuối cùng, xe tới vùng Nam Định có Sông Hồng Hà và Sông Đào chảy qua. Chúng tôi dừng lại thăm viếng Chùa Phổ Minh, Đền Cổ Trạch thờ Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương. Tỉnh Nam Định được sử sách xác nhận là quê hương các vua Nhà Trần. Thăng Long là nơi ngự



trị của các Hoàng Đế tại vị. Nam Định là hoàng thành của các vị Thái Thượng Hoàng (cha vua). Chùa Phổ Minh được xây dựng từ thời nhà Lý, 1262, cách Thành Phố Nam Định chừng 5 cây số. Chùa có mười mấy gian, tường gạch, mái lợp ngói rong rêu cổ độ. Cột, cửa bằng gỗ lim kiên cố, chạm trổ rồng, phượng, hoa lá tinh vi, sơn son thiếp vàng cổ kính, mang dấu ấn điêu khắc từ đời Trần. Trong chùa có tượng nằm của Vua Trần Nhân Tông nhập niết bàn và nhiều tượng Phật khác. Chuông chùa có khắc ba chữ “Phổ Minh Tự”,

1796. Một tấm bia khắc năm 1668, viết về ngôi chùa.

Hai hàng cau non gày guộc, thẳng tắp dẫn đến một tháp cao được dựng năm 1305. Tháp có tên Phổ Minh, 14 tầng. Nền tháp và tầng thứ nhất xây bằng đá. Các tầng trên bằng gạch. Hình tháp được in trên tấm giấy 100 đồng. Ngoài ra còn có ngôi đền thờ Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương (1230-1300).

Người Việt nào mà không biết tới công đức của Trần Hưng Đạo. Dân Việt

Nam còn tôn xưng ông là Đức Thánh Trần. Ông đã bao lần đánh đuổi giặc Nguyên, bảo vệ Vua Trần Nhân Tông, giữ vững Thành Thăng Long và đại thắng trận thủy chiến trên Sông Bạch Đằng (1288). Trần Hưng Đạo đã dùng mưu lược của Ngô Quyền (896-944) ngày trước (941), sai quân đóng cọc dưới Sông Bạch Đằng và mai phục. Đợi thủy triều rút xuống, cọc nhô lên đâm thủng thuyền quân Nguyên trên đường rút lui thì quân ta xông ra đánh. Quân Nguyên lớp đầu hàng, lớp chết như bèo trôi sông. May cho Tướng Nguyên có tên là Thoát Hoan mới chạy thoát được về Tàu theo đường bộ. Các anh Tàu coi thường nước Việt nhỏ bé, không thèm học sử Việt nên mới ra nông nổi. Tôi còn nhớ cái cảm tưởng hồi hộp, khí phách anh hùng, hãnh diện dân tộc nổi lên khi học đến đoạn lịch sử này. Lại còn tưởng tượng Trần Quốc Tuấn cường tráng, dũng mãnh hiên ngang, Trần Quốc Toản khôi ngô, ngang tàng, để lòng thiếu nữ láng láng thuở mới lớn...

Một gian trong khuôn viên Chùa Phổ Minh ngày nay còn trưng bày các sử liệu về Thời Trần và các cuộc chiến chống xâm lăng Nguyên-Mông, như những cây cọc đã được quân Ngô Quyền và Trần Hưng Đạo cắm dưới Sông Bạch Đằng...

Qua một sử liệu vừa đọc, tôi muốn ôn lại thêm vài dòng về vị vua tài đức Trần Nhân Tông. Thuở nhỏ nhà vua đã có thần khí, diện mạo tươi sáng, thông minh, đỉnh ngộ, được giáo dục, luyện tập văn võ kiêm toàn. Năm 22 tuổi được vua cha, Trần Thái Tông nhường ngôi. Vua Trần Nhân Tông đã cùng Trần Hưng Đạo tổ chức Hội Nghị Diên

Hồng. Cả hai cùng xông pha trong nhiều cuộc chống xâm lăng, đại thắng quân Nguyên trong trận Vạn Kiếp, Bạch Đằng. Quân giặc phải khiếp đảm kinh hồn.

Và, không như nhiều vị vua khác, ham mê tử sắc, Vua Trần Nhân Tông hết lòng thương dân trị nước, cấp gạo thóc giúp đỡ dân nghèo, giải phóng nô tỳ, trừng phạt tham ô, cường hào, ác bá.

Vua Trần Nhân Tông muốn giữ ngoại giao với Chiêm Thành nên đã gả con gái cho Vua Chiêm. Nhưng khi Vua Chiêm chết, Vua Trần Nhân Tông đã cử Trần Khắc Chung đi cứu Huyền Trân về, khỏi chết theo Vua Chiêm trên dàn hỏa thiêu. Một tình sử có thật nhưng lãng mạn như đã sử vậy!

Vua Trần Nhân Tông còn là một nhà thơ lỗi lạc. Nhiều bài thơ của ông còn được giữ đến ngày nay. Trước cảnh làng mạc hoang tàn vì quân giặc tàn phá nhà vua đã cảm xúc hai câu thơ :

Xã tắc lưỡng hồi lao thanh mã,

Sơn hà thiên cổ điện kim âu

(Xã tắc hai phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Trị quốc dân an được 14 năm, Vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông. Giữ chức thái thượng hoàng 5 năm, Trần Nhân Tông lên Núi Yên Tử, cao nhất, thâm sơn cùng cốc, vùng Đông Bắc, để tu hành, lập ra Phật Pháp Trúc Lâm Thiền Phái. Nơi đây, Trần Nhân Tông đã có bài thơ tả cảnh Núi Bảo Đài trong dãy Yên Tử:

Đất vắng đèo đài thêm cổ xưa,

Xuân sang vữa đó mới teo mùa

Gần xa thấp thoáng mây lồng núi

Nắng rợp mơ hồ một ngõ hoa

*Nước chảy nước trôi đời vạn sự
Tâm nghe lòng nhủ tháng năm qua
Nâng cao ống sáo bên thêm vắng,
Đầy ngực trắng thanh tỏa ánh ngà.*

(Băng Thanh dịch)

Trong một bài tứ tuyệt, Trần Nhân Tông hướng về quê dưới đồng bằng:

*Thiên Trường Vân Vọng
Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên
Bán vô bán hữu tịch dương biên
Mục đồng dịch lý quy ngưi tận
Bạch lộ song song phi hạ điền.*

Ngô Tất Tố dịch nghĩa:

*Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.
Xóm trước thôn sau tựa khói lồng,
Bóng chiều đường có lại đường không
Mục đồng sáo vắng trâu về hết.*

Huyền Trân Công Chúa, đã lên Núi Yên Tử thăm Vua Trần Tông trước khi ông viên tịch tại Am Ngọa Vân vào mùa xuân năm 1309. Lăng mộ vua được đặt trên Núi Yên Tử. Một phần xá lỵ của vua được đặt trong Tháp Phổ Minh. Trong Chùa Phổ Minh có tượng nằm của Vua Trần Nhân Tông nhập niết bàn. Dân gian sùng kính, tôn thờ Vua Trần Nhân Tông như một vị Phật.

700 năm sau, hôm nay chúng tôi đi quanh Chùa Phổ Minh, nghiêng mình tưởng nhớ những danh tướng, những vị vua tài giỏi, công đức, bình thiên trị quốc đời Trần. Chúng tôi chụp được vài hình bên cầu ao xây bằng đá trắng, hoa súng nở đầy, bên gốc đá cổ thụ to bằng mấy vòng ôm, không biết đã sống được mấy trăm năm, những kỷ niệm của chuyến đi tìm lịch sử có một không hai trong đời.

Khí thiêng sông núi, lòng bái phục những vị anh hùng lịch sử còn theo mãi chúng tôi về

tới Kinh Thành Thăng Long ngày xưa của các vị vua đời Trần và Hà Nội ngày nay của tài xế Tuấn, của mấy người em họ của chúng tôi...

Buổi tối đó, Điềm mời chúng tôi đi ăn Châteaubriand beefsteak. Chúng tôi từ chối, vì tôi có một cái hẹn rất đặc biệt lúc bấy giờ. Và lại chúng tôi cũng không muốn ăn một bữa no nê, nặng nề nữa cho thêm mệt. Về quê hương để thăm viếng chốn cũ, người xưa, cho biết những nơi xa lạ chưa từng bước chân tới, chúng tôi không tha thiết ăn chơi, hả hê, phê phỡn.

Phước và chị em tôi được Nga, vợ Nhiên mời đi ăn trong một xóm được mệnh danh là xóm Tây Ba-lô ở. Những du khách sinh viên Tây Phương trẻ, nghèo, thường đến ở những phòng rẻ tiền trong ngõ. Hành lý của họ chỉ có một cái ba-lô trên vai.

Ngõ vào xóm Tây ba-lô nhỏ hẹp, tối tăm, nồng nặc mùi cống rãnh hôi thối. Vậy thì làm sao có thể gọi là văn minh, tân tiến được đây! Chúng tôi ăn cho qua bữa rồi chia tay Nga ở khách sạn, không biết bao giờ gặp nhau lại. Tôi lên phòng nghỉ ngơi được một lát thì người của khách sạn gọi điện thoại lên báo có một phụ nữ đến gặp tôi.

Chị tên là D. là con gái Ông Bà có tiệm Sơn Hải, người mua lại căn nhà Phố Chả Cá của bố mẹ tôi năm 1943. Sở dĩ chị biết sự có mặt của tôi ở Hà Nội vì chị quen với T. người em họ của tôi. T. là con gái Ông Đốc Ninh, Hiệu Trường Thăng Long, Hà Nội trước năm 1954. T. đã cho chị D. mượn tập hồi ký *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội*, nên chị muốn gặp tác giả của nó.

Chị D. đến với một bó hoa hồng đỏ tặng Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tôi xúc động ôm lấy

chị D. để cảm ơn. Cả hai rưng rưng nước mắt như người thân quen xa nhau lâu ngày mới được gặp lại. Sau bao thăng trầm của Hà Nội ngàn năm văn vật, chị vẫn giữ được dáng tiểu thư thanh lịch nền nếp. Chị D. nói rằng chị cũng học Trường Trưng Vương Hà Nội từ trước năm 1954. Chị đã chuyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* cho các bạn đọc đến rách bươm cả sách. Trong một buổi họp bạn Trưng Vương cũ, các chị đã nói với nhau: “Cô bé này (Nguyễn Thị Ngọc Dung) xa Hà Nội từ năm 15 tuổi mà viết được một quyển sách lớn như thế. Chúng ta ở hoài nơi đây đã 50 năm mà không một ai viết được gì.”

Sự việc đó cũng dễ hiểu thôi, dân Việt Nam có được tự do đâu mà dám viết những suy tư của mình. Một quyển sách có giá trị, không ít thì nhiều cũng có hơi hướng xã hội, địa dư, lịch sử, văn hóa, chính trị.... Chưa một nhà văn nào dám viết về cái tôi trước Nguyễn Thị Ngọc Dung. Nếu có cũng chỉ viết trong dạng tiểu thuyết mà thôi. Chị D. còn nói rằng: “Chúng tôi đã nói với T., bây giờ quyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* là bảo vật của Trường Trưng Vương. Chúng tôi sẽ giữ, không trả lại chị T. đâu. Chị T. phải xin Ngọc Dung quyển sách khác.” Chị vừa nói vừa nắm tay tôi không rời. Tôi rưng rưng cảm ơn chị và nhờ chị gửi lời thăm tới các bạn của chị nữa. Với tuổi đời nhiều hơn tuổi tôi, chắc các chị không tránh khỏi những vận nạn thời cuộc xoay vần, chông chênh...

Tác giả nào cũng mong muốn được độc giả mến chuộng tác phẩm của mình. Ngoài

phần thưởng tinh thần quý báu ấy, cái tình đồng môn, đồng trường giữa những người Trưng Vương đã được biểu lộ tự nhiên, thắm thiết. Tôi chỉ còn biết nói rằng tôi rất tiếc đã chẳng dám đem vào Việt Nam một quyển sách nào vì sự kiểm soát khó khăn tại phi trường, sự kiểm duyệt của nhà nước. Sáng mai chị em chúng tôi lên đường trở vào Sài Gòn rồi. Tôi không còn một ngày nào, một buổi nào để gặp chị D. Tôi hứa khi T. qua Virginia chơi nữa, T. có thể mang về Hà Nội bao nhiêu quyển sách tôi sẽ tặng bấy nhiêu. Tôi vừa cho *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* in lần thứ ba và *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* lần thứ hai. Chúng tôi ôm nhau, bịn rịn chia tay như hai người bạn thân cùng lớp, cùng bàn. Lòng tôi xót xa, không biết còn có ngày gặp lại bậc Trưng Vương đàn chị khả ái đó chăng.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Trích trong *Bước Lạ Đường Quê*)

Tài liệu tham khảo:

- *Lịch Sử Việt Nam*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Hà Nội.
- *Việt Nam Danh Nhân Tự Điển*, của Nguyễn Huyền Anh.
- *Hoàng Đế Triều Trần* của Trường Khánh.
- <http://vi.wikipedia.org>
- Nguyễn Công Trứ: Vũ Ngọc Khánh.



Minh Họa:

ĐINH CƯỜNG